

Chương V

THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHANH VÀ BỀN VỮNG, ĐƯA TRÀ VINH THOÁT KHỎI TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN (2001 - 2010)

I. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH TRÀ VINH LẦN THỨ VII VÀ VIII

Sau 8 năm tái lập, triển khai và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (nhiệm kỳ 1992 - 1995), lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996 - 2000), tỉnh tập trung khắc phục được những khó khăn thiếu thốn, phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng Đảng. Những thành tựu đó càng củng cố niềm tin của Nhân dân trong tỉnh vào đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước. Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII); thực hiện tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) có kết quả bước đầu, tạo thêm sinh khí, khắc phục khuyết điểm, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế trong tỉnh tuy quy mô sản xuất nhỏ nhưng đã trực tiếp hoạt động và được thử thách trong môi trường cạnh tranh của cơ chế thị trường, tiếp tục có những bứt phá trong đầu tư, phát triển sản xuất. Những nhân tố mới trong phát triển kinh tế như phát triển kinh tế trang trại, nuôi trồng, chế biến thủy sản, mua sắm tàu thuyền lớn từng bước tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

Thách thức lớn nhất với Trà Vinh khi bước vào thế kỷ XXI là sức sản xuất và trình độ phát triển kinh tế vẫn còn rất thấp. Tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế còn nhỏ bé, kim ngạch xuất khẩu thấp, khoảng cách về sự phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương so với các tỉnh trong khu vực chưa được thu hẹp. Tiềm năng kinh tế còn nhiều và đa dạng nhưng chưa được khai thác tốt. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật của nền kinh tế còn lạc hậu và chưa đồng bộ. Chất lượng

nguồn nhân lực còn thấp, cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật giỏi còn ít, lao động chưa đào tạo và thiếu việc làm còn nhiều, số hộ nghèo còn lớn... là những khó khăn trong quá trình tỉnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong thời gian tới. Những thành tựu đạt được và những hạn chế của Đảng bộ tỉnh trong những năm 1992 - 2000 là cơ sở để Đảng bộ tỉnh hoàn thành tốt vai trò của mình trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

1. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001 - 2005

Thực hiện Chỉ thị 54-CT/TW, ngày 22/5/2000 của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn của Trung ương “*về tổ chức Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành các bước chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, thành lập các tiểu ban: Tiểu ban nội dung, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban tuyên truyền và Ban Tổ chức Đại hội.

Sau một thời gian tích cực chuẩn bị, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII nhiệm kỳ 2001 - 2005 diễn ra từ ngày 31/12/2000 đến ngày 03/01/2001. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; tập trung thảo luận Dự thảo Báo cáo chính trị, Bản Tự phê bình của Tỉnh ủy khoá VI và Báo cáo Kết quả một năm thực hiện tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); đánh giá nghiêm túc việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, nhận định tình hình của tỉnh những năm đầu thế kỷ XXI, từ đó đề ra phương hướng, mục tiêu, giải pháp cho chặng đường 5 năm (2001 - 2005), nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân đưa tỉnh nhà phát triển đi lên, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh* theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ, đại diện các Ban Đảng Trung ương, cùng 290 đại biểu chính thức (trong đó có 45 đại biểu đương nhiệm) đại diện cho 16.602 đảng viên trong tỉnh về tham dự Đại hội. Báo cáo Chính trị của Đại hội có chủ đề: *“Phát huy truyền thống “Toàn dân nổi dậy đoàn kết lập công”; khai thác có hiệu quả các nguồn lực; thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại*

hoá nông - ngư nghiệp và nông thôn, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội”.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Đại hội nhận định: *“Nền kinh tế tiếp tục phát triển với giá trị tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân hàng năm trong giai đoạn 1996 - 2000 tăng 8,87%; trong đó nông nghiệp tăng 5,98%/năm, sản lượng lúa đạt gần 1 triệu tấn; lâm nghiệp tăng 5,75%/năm; thủy sản tăng 10,86%; công nghiệp tăng 4,26%; xây dựng tăng 28,04%; dịch vụ tăng 16,80%/năm. Cơ cấu kinh tế tiếp tục được chuyển dịch theo hướng giảm giá trị nông - lâm - ngư nghiệp từ 76,38% năm 1996 xuống còn 71,09% năm 2000; công nghiệp và xây dựng từ 8,20% tăng lên 9,23%; dịch vụ từ 13,85% tăng lên 19,69%. Thu ngân sách Nhà nước hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu Trung ương giao. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư. Khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo chuyển biến một bước theo hướng trở thành nhân tố thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Nhiều vấn đề bức xúc trên lĩnh vực văn hoá - xã hội được giải quyết có kết quả; thu nhập, đời sống của Nhân dân có được nâng lên. Đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; hệ thống chính trị được xây dựng theo hướng trong sạch vững mạnh”.*

Đạt được những kết quả nêu trên là do: Thành tựu của công cuộc đổi mới của cả nước đã động viên cán bộ, đảng viên và Nhân dân tỉnh nhà nỗ lực vươn lên; được Trung ương quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ; Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết, vận dụng những chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước vào tình hình cụ thể của địa phương và tổ chức thực hiện có tập trung các nhiệm vụ trọng tâm, đơn vị và địa bàn trọng điểm; kiểm tra phát hiện sớm nhiều vấn đề cấp bách và có chủ trương giải quyết kịp thời; chỉ đạo tạo được một số mô hình tốt trên các lĩnh vực. Có sự nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn của các ngành, các cấp và Nhân dân trong tỉnh; trình độ dân trí và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên có nâng lên một bước so với trước đây.

Đại hội cũng nhìn nhận qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Đó là: *“Nền*

kinh tế của địa phương có phát triển nhưng chưa vững chắc; tăng trưởng GDP chưa đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đề ra, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Giải quyết các vấn đề cấp bách về văn hoá - xã hội còn một số yếu kém; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tồn tại một số nhân tố mất ổn định; tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội không giảm. Công tác xây dựng Đảng vẫn còn một số yếu kém, trình độ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế; năng lực hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp chưa ngang tầm với nhiệm vụ chính trị; chất lượng, hiệu quả công tác vận động quần chúng còn thấp”.

Những hạn chế, yếu kém trên là do: Thực trạng năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng của tỉnh còn yếu kém; vị trí địa lý của tỉnh nằm xa các trục giao thông chính nên khó khăn trong thu hút đầu tư, mặt bằng dân trí thấp, đời sống của Nhân dân còn nhiều khó khăn nên huy động nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Cấp ủy và chính quyền các cấp còn lúng túng trong cụ thể hoá thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ còn nhiều hạn hăng, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế; năng lực lãnh đạo và điều hành của một số cấp ủy, chính quyền còn yếu; một bộ phận cán bộ, đảng viên tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật chưa cao.

Phát biểu chỉ đạo Đại hội, đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh: “*Để đạt được mục tiêu tăng trưởng trong 5 năm tới nhằm đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn, Đảng bộ Trà Vinh cần tập trung đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, cơ cấu lao động, bố trí cây trồng vật nuôi theo hướng tăng chất lượng, hiệu quả, hình thành nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn, phù hợp với nhu cầu thị trường, phải khẩn trương điều chỉnh, bổ sung lại quy hoạch theo hướng giảm diện tích trồng lúa, chuyển sang nuôi trồng thủy sản và các loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, cần dồn sức chỉ đạo đưa ngành thủy sản thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, gắn nuôi trồng, khai thác với chế biến xuất khẩu...*

Về phát triển công nghiệp, cần điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng phát triển mạnh các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có lợi

thế, tăng sản lượng và chất lượng; tập trung đầu tư mạnh công nghiệp chế biến, phục vụ tốt nhu cầu phát triển những sản phẩm có lợi thế của địa phương như: thủy hải sản, lương thực, sản phẩm từ trái dừa, mía đường, cây ăn quả có giá trị cao. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Vận dụng thực hiện các luật đầu tư, các chính sách mới của Chính phủ để xúc tiến kêu gọi đầu tư vào địa bàn tỉnh; khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư đổi mới các trang thiết bị, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị, đặc biệt là hàng xuất khẩu. Kết cấu hạ tầng của tỉnh còn thấp kém, không đồng bộ, vì vậy tỉnh phải tập trung huy động các nguồn lực, tiết kiệm mọi chi tiêu để đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, nước, trạm xá, trường học...

Cần quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu, phải tập trung tạo sự chuyển biến toàn diện giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Là một tỉnh có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo, Đảng bộ cần thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc, kéo giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo. Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý, điều hành của bộ máy Nhà nước, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, kịp thời giải quyết những yêu cầu bức xúc, chính đáng của Nhân dân.

Tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xây dựng các cấp ủy, đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp thật sự trong sạch, vững mạnh, gần bó với Nhân dân, được Nhân dân tin cậy quý mến. Phải lãnh đạo thực hiện tốt hơn nữa nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt Đảng, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trên tinh thần đồng chí, tình thương và trách nhiệm của người cộng sản; xây dựng đoàn kết nhất trí cao trong các cấp ủy Đảng, trước hết là trong Tỉnh ủy và cả trong toàn Đảng bộ. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần xác định đúng, kịp thời các khâu đột phá trong từng thời gian, trong từng lĩnh vực để có chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể;

tập trung dồn sức chỉ đạo đến nơi, đến chốn, tạo nên nhiều mô hình tốt, kinh nghiệm tốt để nhân rộng”.

Từ những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, đại biểu Đại hội đã thảo luận và đề ra phương hướng chung để phát triển tỉnh trong nhiệm kỳ 2001 - 2005 là: *“Phát huy truyền thống “Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công”, khai thác có hiệu quả các nguồn lực, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng công nghiệp hóa nông - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn 5 năm trước, tăng sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế tỉnh nhà. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, tăng cường bảo vệ môi trường. Tích cực giải quyết các vấn đề bức xúc về y tế, văn hóa - xã hội, nhất là giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính đôn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo được mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2005 rút ngắn khoảng cách tụt hậu, tạo tiền đề thuận lợi đưa tỉnh nhà phát triển mạnh hơn trong giai đoạn tiếp theo”¹³⁷.*

Đại hội đã biểu quyết các chỉ tiêu chủ yếu của nhiệm kỳ 2001 - 2005, gồm:

* *Về kinh tế:* Giá trị tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân tăng trên 12%/năm. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng trên 5,5%, lâm nghiệp tăng trên 8%, ngư nghiệp tăng trên 16,5%, công nghiệp tăng trên 17%, xây dựng tăng trên 27%, dịch vụ tăng trên 19%/năm.

- Đến năm 2005, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp giảm xuống còn 60,26%; công nghiệp - xây dựng tăng lên 14%; dịch vụ tăng lên 25,74%.

- Đầu tư phát triển toàn xã hội tăng gấp đôi giai đoạn trước.

¹³⁷ Tỉnh ủy Trà Vinh: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VII (2001 - 2005)*, trang 48, 49.

- Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu đến năm 2005:
- + Lúa đạt 1.120.000 tấn
- + Thủy sản các loại đạt 157.000 tấn.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tăng trên 18%/năm, đến năm 2005 đạt 95 - 100 triệu USD.
- Tổng thu ngân sách tăng bình quân trên 10%/năm, đến năm 2005 đạt 280 tỷ đồng.

* *Về xã hội:* Đến năm 2005: Mỗi huyện và thị xã phần đầu có 02 xã (hoặc phường, thị trấn) được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hoá.

- Đến năm 2005: Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt 80%, tỷ lệ học sinh trung học phổ thông đi học trong độ tuổi đạt 41%. Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở có 7 phường, 9 thị trấn và 70% người trong độ tuổi ở các xã nông thôn được công nhận hoàn thành. Nâng mặt bằng dân trí đạt trình độ lớp 7, trong đó có trên 7.000 người tốt nghiệp cao đẳng, đại học và 50 người trên đại học. Xây dựng cơ bản 1.000 phòng học, xoá phòng học tre lá tạm thời.

- Giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,06%, đến năm 2005, tốc độ tăng dân số tự nhiên còn 1,3%. Giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 25%, tăng cường bác sĩ về trạm y tế đạt 100%.

- Tạo việc làm, giải quyết việc làm cho 100.000 lao động, bình quân 20.000 lao động/năm, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức lên 30% vào năm 2005.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%/năm, đến năm 2005 còn 14%. Đến năm 2005 có 76% hộ ở nông thôn và 100% hộ ở phường, thị trấn được dùng điện; 80% hộ được dùng nước sạch. Thu nhập bình quân đầu người tăng 8,86%/năm, đến năm 2005 tăng 1,65 lần so năm 2000 (tương đương 500 USD).

* *Về an ninh - quốc phòng:* Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm

* *Về xây dựng hệ thống chính trị:* Đạt 80% cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Tăng thêm 3 - 4 Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh; tỷ lệ đảng viên chiếm 2% dân số; tập hợp 80% quần chúng vào các tổ chức chính trị - kinh tế - xã hội.

Để thực hiện có hiệu các mục tiêu, chỉ tiêu nêu trên, Đại hội đề ra 10 nhóm nhiệm vụ và giải pháp:

(1). Chuyển dịch nhanh cơ cấu sản xuất nông - ngư nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tập trung xây dựng các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh có giá trị cao, phù hợp với lợi thế, tiềm năng của từng huyện, xã, gắn với nhu cầu phát triển của thị trường nội địa và xuất khẩu.

(2). Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng phát triển mạnh các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp có lợi thế, tăng sản lượng và chất lượng sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu. Phát triển và hiện đại hoá các loại hình dịch vụ du lịch, thông tin, vận tải, cảng cá, tín dụng ngân hàng, bảo hiểm theo nhu cầu thị trường trong, ngoài tỉnh và ngoài nước.

(3). Tổ chức huy động hợp lý nguồn lực của dân, tranh thủ nguồn lực của Trung ương và tài trợ của các tổ chức quốc tế để đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

(4). Đổi mới cơ cấu đầu tư, hoạt động tài chính, tín dụng đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

(5). Tăng cường đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, giáo dục và đào tạo, nâng lên một bước mặt bằng dân trí, trình độ lực lượng sản xuất, xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ theo yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

(6). Tích cực giải quyết các vấn đề bức xúc về văn hoá - xã hội, nâng cao thu nhập và đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo.

(7). Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị và xã hội, ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội.

(8). Tăng cường công tác vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thúc đẩy phong trào hành động cách mạng thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

(9). Kiện toàn và nâng cao vai trò trách nhiệm của chính quyền các cấp; tăng cường năng lực quản lý Nhà nước, tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước ở địa phương.

(10). Xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ.



Ảnh: Báo Trà Vinh

Đại hội bầu 47 đồng chí¹³⁸ vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001 - 2005. Tại phiên họp lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy 13 đồng chí: đồng chí Nguyễn Thái Bình được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Văn Vẹn và đồng chí Trần Văn Đơn giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy¹³⁹; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 09 đồng chí. Riêng việc bầu Chủ nhiệm kiểm tra sẽ tiến hành trong cuộc họp Ban chấp hành gần nhất. Đến hội nghị lần 02, Ban chấp hành đã bầu đồng chí Nguyễn Thị Xuân Cảnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Sau 4 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VII - Đại hội của

¹³⁸ Danh sách Ban Chấp hành, xem Phụ lục 1.

¹³⁹ Danh sách Ban chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa VII, xem Phụ lục số 1.

đoàn kết, dân chủ, tập trung và quyết tâm cao đã thành công tốt đẹp. Đại hội đã quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp lớn cho nhiệm kỳ 2001 - 2005 nhằm đưa Trà Vinh vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, tiến kịp các tỉnh khác trong khu vực và trong cả nước. Kết quả của Đại hội đã đáp ứng được ý chí, nguyện vọng của Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh, là tiền đề xây dựng Trà Vinh ngày càng giàu mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, văn minh về văn hoá, hướng đến mục tiêu *“xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng diễn ra từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001 tại Hà Nội, đồng chí Nguyễn Thái Bình, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh khoá VII được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, đồng chí Bùi Quang Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Nguyễn Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh được Bộ Chính trị điều động về Đảng bộ tỉnh Cà Mau giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy¹⁴⁰.

Ngày 19 và 20/8/2003, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ đánh giá 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII và bàn những nhiệm vụ, giải pháp tập trung thực hiện đến hết nhiệm kỳ.

2. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010

Quán triệt Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 06/12/2004 của Bộ Chính trị *“về việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X”*. Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo Đại hội Đảng bộ các cấp trong tỉnh theo đúng tinh thần Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị, chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII.

Từ ngày 24 đến ngày 26/11/2005, Đảng bộ tỉnh tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005 - 2010). Đại hội có nhiệm vụ tiếp tục thảo luận, đóng góp vào các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, thảo luận, kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, đề ra mục tiêu,

¹⁴⁰ Đến tháng 8/2003, đồng chí Bùi Quang Huy được Bộ Chính trị điều động về Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, giữ chức vụ Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ.

nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị cho 5 năm tới (2006 - 2010). Đồng thời, Đại hội sẽ bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VIII và đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Đại tướng Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng dự và chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội còn có các Ban Đảng Trung ương, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, các đồng chí Nguyễn Bí thư Tỉnh ủy Cừu Long, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh các khóa, cùng 288 đại biểu đại diện cho 23.303 đảng viên của Đảng bộ về dự Đại hội. Báo cáo Chính trị của Đại hội có chủ đề “*Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy truyền thống đoàn kết Kinh - Khmer - Hoa, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa; giữ vững ổn định chính trị, đưa kinh tế - xã hội tỉnh nhà phát triển nhanh và bền vững*”.

Đại hội đánh giá kết quả 5 năm (2001 - 2005) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII: “*Kinh tế tiếp tục phát triển với tốc độ tăng trưởng khá, bình quân trong 5 năm đạt 11,64%; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp từ 71,09% vào năm 2000 xuống còn 55,87% vào năm 2005, tăng tỷ trọng giá trị công nghiệp - xây dựng từ 9,23% lên 17,72% và dịch vụ từ 19,69% lên 26,15%. Đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh được huy động nhiều hơn so với nhiệm kỳ trước với 7.595 tỷ đồng, tăng gần gấp 3 lần so giai đoạn 2001 - 2005. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư đáng kể, nhất là hệ thống thủy lợi, giao thông, điện, nước sinh hoạt, bưu chính - viễn thông. Các mặt văn hóa - xã hội đều có bước phát triển; đời sống Nhân dân từng bước được cải thiện và nâng lên; chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công được quan tâm thực hiện tốt. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và tăng cường. Dân chủ ở cơ sở được mở rộng; đoàn kết toàn dân tộc được phát huy*”.

Đạt được những kết quả nêu trên là do: Được sự quan tâm lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ; sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành bạn. Tác động tích cực của những cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Kết quả đầu tư trong

nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng đáng kể. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, điều hành cụ thể hóa các nghị quyết, chính sách của Trung ương, giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Đảng bộ, Nhân dân trong tỉnh đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động, có quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện; các ngành, các cấp, các doanh nghiệp có năng động sáng tạo, phấn đấu vượt qua khó khăn thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chỉ đạo thực hiện thường xuyên; dân chủ trong Đảng và trong xã hội được phát huy tốt hơn. Hệ thống chính trị ở cơ sở được quan tâm củng cố và tăng cường.

Tuy nhiên, giai đoạn này Trà Vinh vẫn còn trong tình trạng kém phát triển và tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực. Chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, tỷ trọng giá trị công nghiệp trong GDP còn thấp. Sản xuất nông nghiệp hiệu quả chưa đạt theo yêu cầu, thiếu tính bền vững. Thúc đẩy sản xuất chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh. Huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển chưa nhiều, ngân sách thu chưa đáp ứng yêu cầu chi. Kết cấu hạ tầng còn nhiều mặt yếu kém. Những vấn đề bức xúc trên lĩnh vực xã hội tuy có tập trung giải quyết, nhưng vẫn chưa đạt theo yêu cầu; thu nhập và đời sống của một bộ phận dân cư còn thấp, nhất là ở vùng nông thôn, vùng có đông đồng bào Khmer; tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông còn ở mức cao, trật tự trị an ở một số nơi còn diễn biến phức tạp. Chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư chưa đồng bộ, thiếu kịp thời, hiệu quả chưa cao; chưa có sự chuyển biến mạnh trong cải cách hành chính, tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, vi phạm kỷ luật hành chính còn diễn ra ở một số nơi. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và một bộ phận cán bộ, đảng viên còn yếu kém.

Những hạn chế, yếu kém là do: *"Vị trí địa lý không thuận lợi; kết cấu hạ tầng yếu kém. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực thấp. Các thế lực thù địch thường xuyên hoạt động chống phá làm cho tình hình từng lúc, từng nơi diễn biến phức tạp. Tư duy kinh tế của cán bộ*

lãnh đạo, quản lý một số ngành và địa phương còn hạn chế. Chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện từng lúc chưa phát huy hết trách nhiệm cá nhân; tính năng động sáng tạo, tự lực, tự cường vươn lên của một số ngành, địa phương chưa tốt. Trong chỉ đạo tạo được nhiều mô hình tốt, nhưng chậm tổ chức nhân ra diện rộng. Vai trò và hiệu lực quản lý Nhà nước về quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng, trật tự xã hội, an toàn giao thông... còn yếu kém; cải cách hành chính chuyển biến chậm, chưa gắn với đổi mới và chỉnh đốn Đảng; công tác kiểm tra, thanh tra chưa thường xuyên, xử lý một số vụ vi phạm không kiên quyết. Một bộ phận cán bộ, đảng viên yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; công tác đánh giá, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, giám sát cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đúng mức”¹⁴¹.

Từ những kết quả đạt được và những hạn chế yếu kém, Đại hội rút ra các bài học kinh nghiệm:

Một là, quán triệt, chấp hành thực hiện nghiêm túc chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, chăm lo đời sống Nhân dân đi đôi với chăm lo xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu để ổn định và phát triển.

Hai là, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tính năng động, sáng tạo của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; khai thác và phát huy đúng mức nguồn nội lực là nhân tố quyết định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài là vấn đề rất quan trọng nhằm tạo sức mạnh tổng hợp để phát triển.

Ba là, đi đôi tăng trưởng kinh tế, từng bước thực hiện công bằng xã hội, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện tốt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách đối với người có công; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao mặt bằng dân trí; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện công khai, dân chủ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân... tạo

¹⁴¹ Tỉnh ủy Trà Vinh: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VIII (2005 - 2010), trang 16 - 55.

động lực thúc đẩy phong trào hành động cách mạng của quần chúng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Bốn là, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định, tập trung xây dựng Đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Xây dựng đội ngũ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các ngành, các cấp có đủ phẩm chất năng lực và sức chiến đấu để trở thành hạt nhân lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở từng địa phương, đơn vị; phải lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo để xem xét đánh giá cán bộ. Xây dựng Đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, chú trọng cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp; phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận và các đoàn thể. Thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức Đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ; xác lập các mối quan hệ hợp lý giữa sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội... làm cho các bộ phận cấu thành trong hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh; thực hiện tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng và đảng viên tự phê bình trước Nhân dân theo định kỳ là giải pháp sắc bén và có hiệu quả để xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt với Nhân dân, làm cho dân tin Đảng, Đảng tập hợp được dân. Trong lãnh đạo phải coi trọng công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện, nhân rộng những điển hình tốt; đồng thời uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời những lệch lạc và xử lý nghiêm những biểu hiện tiêu cực¹⁴².

Phát biểu với Đại hội, Đại tướng Phạm Văn Trà nhấn mạnh: “Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh cần quán triệt, vận dụng sáng tạo hơn nữa các chủ trương, chính sách của Trung ương vào hoàn cảnh thực tế của địa phương. Tập trung đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Khẩn trương điều chỉnh, bổ sung lại quy hoạch đất nông nghiệp, chọn các loại giống có năng suất, chất

¹⁴² Tỉnh ủy Trà Vinh: Sđd, trang 55 - 59.

lượng và có giá trị xuất khẩu; tập trung đưa ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là khâu đột phá của tỉnh.

Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư đổi mới trang thiết bị, ứng dụng khoa học - kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm; huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là thủy lợi, giao thông, điện, nước...

Chú trọng phát triển giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân và thực hiện tốt các chính sách đối với người có công; tập trung công tác giảm nghèo, đặc biệt là giảm nghèo trong vùng có đồng đồng bào dân tộc Khmer.

Là một địa bàn có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng, tỉnh cần quán triệt quan điểm kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh; đảm bảo giữ vững ổn định an ninh, chính trị trong mọi tình huống.

Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương. Tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng, sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên”.

Tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu và ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phạm Văn Trà. Đại hội đã đề ra mục tiêu và phương hướng tổng quát giai đoạn 2005 - 2010: *“Quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng. Phát huy truyền thống đoàn kết Kinh - Khmer - Hoa, tinh thần tự lực, tự cường của Đảng bộ, quân dân, khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn, tập trung phát triển kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn giai đoạn 5 năm trước (2001 - 2005), rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh trong khu vực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cùng cả nước tạo nền tảng để đến năm 2020 mức*

ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Phân đấu đến năm 2010, tổng sản phẩm nội địa tăng hơn 3 lần so với năm 2000 và 1,8 lần so năm 2005. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, áp dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ vào sản xuất, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương và các lĩnh vực có lợi thế, tiếp tục xác định phát triển thủy sản, gắn với công nghiệp chế biến là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề văn hóa - xã hội; tạo chuyển biến mới về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chăm sóc tốt sức khỏe Nhân dân; nâng cao thu nhập và mức sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công.

Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền và thành quả cách mạng ở địa phương, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, trước hết là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh, có hiệu lực cao; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy mạnh mẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc¹⁴³.

Đại hội quyết định một số chỉ tiêu chủ yếu:

* **Kinh tế:** Tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 14,6%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: Khu vực I chiếm 421,8%; khu vực II trên 27,7%; khu vực III trên 30% trong GDP. Sản lượng lúa đạt trên 900.000 tấn/năm, thủy sản các loại đạt 111.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2010 đạt 200 triệu USD. Thu ngân sách tăng trên 16%/năm, đến năm 2010 tăng trên 2 lần so năm 2005 (đạt 800 tỷ đồng). Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 21.000 tỷ đồng.

¹⁴³ Tỉnh ủy Trà Vinh: Sđd, trang 61- 63.

* *Về xã hội*: Đến năm 2010, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học trong độ tuổi đạt 90%, tỷ lệ học sinh trung học phổ thông đạt 53%. Đạt chuẩn quốc gia phổ cập trung học cơ sở vào cuối năm 2007; có trên 12.000 người có trình độ tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học và trên 100 người có trình độ sau đại học.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,15%; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 15%. Tạo việc làm và giải quyết việc làm mới cho 43.000 lượt lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức từ 30 - 40%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 3%/năm, đến năm 2010 còn khoảng 20%; thu nhập bình quân đầu người tương đương 750 USD. Có 97% hộ dân được sử dụng điện, 95% hộ dân được sử dụng nước sạch.

- Mỗi huyện, thị xã có thêm 2 phường, thị trấn, xã đạt chuẩn văn hóa.

* *Quốc phòng - an ninh*: Xây dựng lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên 1,6% dân số.

* *Xây dựng Đảng*: Hàng năm có từ 85% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; tăng thêm từ 5 - 7 Đảng bộ cấp trên cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh. Có trên 80% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết nạp 7.500 đảng viên mới, đến năm 2010 tỷ lệ đảng viên chiếm 2,9% dân số. Bồi dưỡng quần chúng tiêu biểu kết nạp vào các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội đạt từ 85% trở lên so với dân số trong độ tuổi.¹⁴⁴

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu nêu trên, Đại hội đề ra 10 nhóm giải pháp:

1. Thực hiện đồng bộ các biện pháp để tạo ra bước đột phá về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - ngư - lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, gắn sản xuất với thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu.

2. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

¹⁴⁴ Tỉnh ủy Trà Vinh: Sđd, trang 63 - 65.

3. Phát triển và hiện đại hoá các loại hình dịch vụ. Hình thành các loại thị trường. Tiếp tục đổi mới hoạt động của các doanh nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo và khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường.

6. Tập trung thực hiện chương trình xoá đói giảm nghèo; nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội.

7. Tăng cường quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp.

8. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

9. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiện toàn và nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền các cấp.

10. Đổi mới và chính đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII gồm 47 đồng chí¹⁴⁵. Trong phiên họp lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy khóa VII tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy khóa VIII; đồng chí Thạch Hel (Năm Hel) và đồng chí Trần Hoàn Kim (Hai Hoàn Kim) được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 11 đồng chí, bầu đồng chí Nguyễn Thị Mai Loan giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Đại hội bầu 12 đại biểu chính thức và 02 đại biểu dự khuyết dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

¹⁴⁵ Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII, xem Phụ lục số 1.



Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005 - 2010).

Ảnh: Báo Trà Vinh

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, diễn ra từ ngày 18 đến ngày 25/4/2006 tại Hà Nội, đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng khoá IX, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh (khoá VIII) tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

Trong hai ngày 17 và 18/9/2008, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII (2005 - 2010) đánh giá 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và bàn những nhiệm vụ, giải pháp tập trung thực hiện đến hết nhiệm kỳ.

Giai đoạn 2001 - 2010, về đơn vị hành chính của tỉnh có những thay đổi về đơn vị cấp xã, phường, thị trấn bằng các Nghị định của Chính phủ, như:

+ Nghị định 70/2002/NĐ-CP, ngày 18/02/2002 thành lập thêm phường 8, phường 9 thuộc thị xã Trà Vinh;

+ Nghị định 157/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, thành lập xã Lương Hòa A thuộc huyện Châu Thành; chia xã Hiệp Mỹ thuộc huyện Cầu Ngang thành xã Hiệp Mỹ Đông và xã Hiệp Mỹ Tây; thành lập xã Đại Phúc, xã Nhị Long Phú (thuộc huyện Càng Long); thành lập xã Kim Sơn, xã Tân Sơn, xã Hàm Tân (thuộc huyện Trà Cú);

+ Nghị định 86/2008/NĐ-CP ngày 01/8/2008 thành lập thị trấn Định An (thuộc huyện Trà Cú);

+ Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 04/3/2010 thành lập thành phố Trà Vinh thuộc tỉnh Trà Vinh.

Đến cuối năm 2010, toàn tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện, thành phố và 104 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (gồm 85 xã, 19 thị trấn và 9 phường), tăng 26 đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn so năm với 2000. Dân số của tỉnh vào năm 2000 là 958.275 người; mật độ dân số trung bình 430 người/Km², trong đó nữ 508.687 người (tỷ lệ 53,08%); dân số thành thị 126.415 người (tỷ lệ 13,19%), dân số nông thôn 858.860 người (tỷ lệ 87,16%); người Kinh chiếm tỷ lệ 68,68%, người Khmer chiếm tỷ lệ 30,08%¹⁴⁶.

II. THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHANH VÀ BỀN VỮNG

1. Lĩnh vực kinh tế

Trong thời kỳ 2001 - 2010, tăng trưởng GDP của tỉnh là 11,64%. Quy mô GDP của tỉnh (theo giá hiện hành) tăng đáng kể, năm 2001 là 2.985 tỷ đồng; năm 2005 là 7.800 tỷ đồng, đến năm 2010 tăng lên 15.100 tỷ đồng (tăng hơn 3 lần so năm 2001). GDP bình quân đầu người của tỉnh đã được cải thiện, năm 2001 là 3,024 triệu đồng, năm 2005 tăng lên 7,88 triệu đồng và năm 2010 là 14,98 triệu đồng (tăng gần 5 lần so năm 2001); khoảng cách chênh lệch GDP/người so cả nước vào năm 2010 còn khoảng 65%.

Tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2001 - 2010

Chỉ tiêu	Năm 2001	Năm 2005	Năm 2010
1. Tổng GDP (tỷ đồng, giá)	2.985,3	4.735,6	8.211
+ Nông - lâm - thủy sản			3.629,7
+ Công nghiệp - xây dựng	2094,7	2.890,9	1.710,9
+ Dịch vụ	224,2	732,1	2.870,4
	666,3	1.629,0	

¹⁴⁶ Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh: *Niên giám thống kê 1995 - 2000*.

2. Tổng GDP (tỷ đồng, giá hiện hành)	4.516,6	7.800	15.100
+ Nông - lâm - thủy sản	2.932,1	4.666	5.122,1
+ Công nghiệp - xây dựng	472,5	1.301	2.755,8
+ Dịch vụ	1.111,8	1833	3.803,1
3. Cơ cấu kinh tế (%)	100,00	100,00	100,00
+ Nông - lâm - thủy sản	64,92	59,82	47,29
+ Công nghiệp - xây dựng	10,46	16,68	22,99
+ Dịch vụ	24,62	23,50	29,72
4. GDP/người (triệu đồng, giá hiện hành)	3,02	7,88	14,98

Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 1996 - 2003 và 2006 - 2010

Cơ cấu kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng nông - lâm - thủy sản trong GDP của tỉnh, nhưng còn chậm và khu vực nông - lâm - thủy sản vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn, năm 2001 là 64,92%, năm 2010 còn 47,29%. Tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu GDP tăng dần: Năm 2001 ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 10,46%, đến năm 2005 là 16,68% và dịch vụ đạt 23,5%, và năm 2010 ngành công nghiệp, xây dựng là 22,99% và dịch vụ 29,72%. Cơ cấu đa ngành, đa thành phần phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiệu quả hơn trước, tạo ra những tiền đề quan trọng cho phát triển các năm tiếp sau.

Giá trị gia tăng ngành nông, lâm, thủy sản (giá so sánh năm 1994) năm 2005 đạt 2.890,9 tỷ đồng, đến năm 2010 đạt 3.629,7 tỷ đồng. Trong cơ cấu kinh tế ngành theo GDP, ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao và có xu hướng giảm từ 64,6% năm 2005 xuống còn 63,24% năm 2010; tỷ trọng của ngành lâm nghiệp từ 2,4% tăng lên 3,2%. Tỷ trọng của ngành thủy sản tăng từ 33% lên 33,5% vào năm 2010.

Ngày 20/8/2001, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định số 38/2001/QĐ-UBT phê duyệt định hướng Quy hoạch Chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản và trồng màu, trồng cây ăn trái trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2010, nhằm khai thác, phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế tự nhiên: đất, nước ngọt, nước lợ,

nước mặn... và nguồn nhân lực của tỉnh, hướng đến mục tiêu giai đoạn 2001 - 2010 tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của tỉnh đạt 12,78%/năm, GDP bình quân đầu người đạt trên 920 USD vào năm 2010, thu nhập một ha canh tác nông nghiệp đạt trên 20 triệu đồng/năm và qua chuyển đổi này tạo công ăn việc làm cho khoảng 85.000 lao động. Theo đó, đến năm 2010 giảm 33.320 ha đất trồng lúa so với năm 2000, đưa diện tích trồng lúa xuống còn 78.290 ha. Đưa diện tích vườn cây ăn trái lên 27.723 ha, tăng 13.298 ha so với năm 2000. Nâng diện tích nuôi thủy sản lên 69.435 ha, trong đó diện tích nuôi tôm 58.011 ha. Để thực hiện quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra những giải pháp cụ thể như: Quy hoạch phân vùng sản xuất theo từng vùng sinh thái cụ thể; tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng: Thủy lợi, giao thông, điện... các giải pháp về vốn, giống vật nuôi, cây trồng; sản xuất thức ăn phục vụ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; ứng dụng khoa học - công nghệ, khuyến khích chế biến, tiêu thụ sản phẩm, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tổ chức lại sản xuất. Đồng thời, có chính sách về đất đai, tín dụng, sản xuất giống vật nuôi, cây trồng phục vụ cho định hướng quy hoạch chuyển đổi này.

Thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, ngành nông nghiệp không ngừng tăng trưởng; giá trị sản xuất ngành nông nghiệp thời kỳ 2001 - 2005 tăng bình quân 8,59%/năm, thời kỳ 2006 - 2010 tăng bình quân 3,63%/năm. Năm 2010, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 5.073,8 tỷ đồng, trong đó giá trị trồng trọt 3.576,698 tỷ đồng (chiếm 70,49%), chăn nuôi 750,6 tỷ đồng (chiếm 14,79%) và dịch vụ 746,49 tỷ đồng (chiếm 14,71%). Việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất đạt kết quả tích cực, nhất là cơ cấu cây trồng mùa vụ, phát triển theo hướng thâm canh, tăng năng suất, chất lượng, tạo được nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao. Giá trị sản xuất (giá hiện hành) trên 1 đơn vị diện tích canh tác bình quân năm 2010 đạt 45 triệu đồng/ha, tăng 21 triệu đồng/ha so năm 2005. Tình hình sản xuất đến năm 2010 cụ thể như sau:

Trồng trọt: Tổng diện tích cây trồng hàng năm đạt 284,251 ha, tăng 7.681 ha so năm 2005.

Diện tích lúa gieo trồng năm 2010 là 232.636 ha, vẫn giữ ổn định, so năm 2001 giảm 4.505 ha, nhưng so năm 2005 tăng 4.475 ha, năng

suất bình quân 4,96 tấn/ha, tăng 0,54 tấn/ha so năm 2005 và 0,95 tấn/ha so năm 2001, sản lượng đạt 1.155.963 tấn, tăng 835,6 tấn so năm 2001 và tăng 127.149 tấn so năm 2005; nguyên nhân do áp dụng tốt các biện pháp canh tác mới nên năng suất tăng cao, đặc biệt là vụ đông xuân. Thực hiện việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật và xây dựng các mô hình đã tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận và học tập kinh nghiệm áp dụng vào sản xuất, toàn tỉnh có 60% diện tích canh tác giống lúa ngắn ngày, áp dụng 3 giảm 3 tăng, IPM... trên 30% diện tích sử dụng giống lúa xác nhận, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho nông hộ.

Diện tích, năng suất, sản lượng lúa giai đoạn 2001 - 2010

	Năm 2001	Năm 2006	Năm 2010
Diện tích (ha)	237.141	228.161	232.636
+ Đông Xuân	54.312	52.770	59.516
+ Hè thu	87.635	82.834	81.356
+ Thu đông + mùa	96.463	92.557	91.763
Năng suất (tấn/ha)	4,01	4,42	4,96
+ Đông Xuân	3,98	5,11	5,82
+ Hè thu	3,73	4,12	4,65
+ Thu đông + mùa	3,76	4,30	4,68
Sản lượng (tấn)	951.633	1.009.861	1.115.963
+ Đông Xuân	216.359	269.923	346.778
+ Hè thu	326.653	341.840	379.026
+ Thu đông + mùa	363.055	398.099	430.159

Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 1999 - 2003 và 2006 - 2010

Cây màu tiếp tục phát triển ổn định, áp dụng có hiệu quả tiến bộ khoa học - kỹ thuật và đầu tư sản xuất phù hợp với lợi thế của từng vùng, trên 30% diện tích màu sử dụng màng phủ nông nghiệp, nhiều giống mới cho năng suất cao, một số cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày như đậu phộng, bắp lai, mía phát triển nhanh; diện tích cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày gieo trồng 49.479 ha, trong đó: Mía lương thực 8.938 ha; màu thực phẩm 28.642 ha; cây công nghiệp ngắn ngày 11.899 ha (chủ yếu là mía và đậu phộng); phong trào trồng nấm rơm phát triển tốt, sản lượng trong năm 2010 đạt 5.250 tấn.

Diện tích cây ăn trái đạt 18.549 ha, tăng 1.985 ha so với năm 2005, chủ yếu là cây có múi tập trung ở các huyện Cầu Kè, Càng Long và Tiểu Cần.

Chăn nuôi: tiếp tục có bước phát triển khá nhanh theo hình thức công nghiệp và quy mô trang trại. Cụ thể đàn heo có 421.820 con, đàn bò 152.434 con, đàn trâu 2.157 con, đàn dê 6.362 con; đàn gia cầm trên 5,242 triệu con.

Chăn nuôi giai đoạn 2001 - 2010

	Năm 2001	Năm 2006	Năm 2010
Chăn nuôi (con)			
+ Đàn heo	231.972	3.48.3999	421.820
+ Đàn trâu	4.185	2.436	2.157
+ Đàn bò	53.079	141.795	152.434
+ Gia cầm	3.557.742	3.059.00	5.242.000

Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 1999- 2003 và 2006 - 2010

Lâm nghiệp: Giá trị sản xuất lâm nghiệp thời kỳ 2001 - 2005 tăng bình quân 9,46%/năm, thời kỳ 2006 - 2010 tăng bình quân 8,87%. Triển khai dự án bảo vệ và phát triển các vùng đất ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam (CWDPD) do Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ được thực hiện từ năm 2000 tại vùng đồng bằng sông Cửu Long¹⁴⁷ hợp đồng trồng rừng thuộc dự án 661 về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, đến năm 2010, đã giao chăm sóc, bảo vệ 4.270 ha rừng cho người dân; trồng mới 156 ha rừng tập trung; giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt trên 100 tỷ đồng. Năm 2006, diện tích rừng của tỉnh có 6.453 ha (trong đó rừng tự nhiên 1.309 ha, rừng trồng 5144 ha), đến năm 2010 có 7.194 ha rừng¹⁴⁸. Công tác giao đất rừng và việc chăm sóc, bảo vệ, trồng mới rừng đã tạo cho người dân có ý thức bảo vệ rừng, góp phần bảo vệ môi trường, nhất là vùng ven biển, hạn chế việc phá rừng nuôi trồng thủy sản.

¹⁴⁷ Gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Trà Vinh.

¹⁴⁸ Trong đó rừng tự nhiên 1463 ha, tăng 144 ha, rừng trồng 5.471 ha, tăng 327 ha so năm 2006.

Thủy hải sản: Giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2001 - 2005 tăng bình quân 32,95%/năm, giai đoạn 2006 - 2010 tăng 4,88%. Tổng sản lượng năm 2010 đạt 160.053 tấn (trong đó sản lượng khai thác đạt 77.276 tấn; nuôi trồng thủy sản 82.777 tấn) tăng 26.065 tấn so năm 2006 (sản lượng khai thác tăng 19.269 tấn và sản lượng nuôi trồng tăng 6.798 tấn so năm 2006). Diện tích nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 tăng lên 49.523 ha. Năm 2010 giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 2.800 tỷ đồng.

Phát triển nuôi thủy sản cả vùng nước mặn, lợ và ngọt; đa dạng hóa con nuôi, ngoài tôm sú, còn phát triển nuôi cua, nghêu, cá tra và có chú trọng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, phục vụ cho xuất khẩu...; nuôi tôm theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp 9.400 ha. Có gần 36.635 hộ thả nuôi trên 1,7 tỷ con giống các loại (tôm sú là chủ yếu) trên diện tích 26.841 ha mặt nước, diện tích nuôi tôm đạt 21.873 ha¹⁴⁹; nuôi hỗn hợp và thủy sản khác 4.606 ha. Quan tâm đầu tư cơ sở sản xuất giống (tăng 20 trại), hàng năm sản xuất gần 1 tỷ con giống, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát chất lượng con giống và quá trình nuôi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăm sóc, hơn 41% hộ thả nuôi tôm sú có lãi. Nuôi nghêu và cua biển với sản lượng trên 1.000 tấn nghêu, 900 tấn cua thương phẩm. Vùng nước ngọt có gần 114.476 hộ thả nuôi trên 266 triệu con tôm, cá giống trên diện tích 6.363 ha mặt nước (nuôi cá 5.597 ha, nuôi tôm 742 ha, nuôi hỗn hợp 24 ha), có chiều hướng phát triển tốt, sản lượng cá tra đạt 15.000 tấn. Các địa phương đang thực hiện kế hoạch chuyển đổi đất nông nghiệp kém hiệu quả sang nuôi kết hợp hoặc chuyên canh thủy sản.

Triển khai nhiều dự án đầu tư phát triển ngành thủy sản như : Cảng cá Láng Chim, bến cá Định An, dự án tránh trú bão cho tàu cá cửa Cung Hầu (huyện Cầu Ngang); đê bao ngăn lũ chống triều cường, khu nuôi tôm công nghiệp 200 ha. Khai thác và sử dụng có hiệu quả cảng cá Láng Chim và bến cá Định An. Phương tiện khai thác hải sản tăng trên 600 chiếc so năm 2001. Công tác khuyến ngư và bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản được tăng cường. Năng lực chế biến thủy sản xuất khẩu tăng gấp 6 lần so với năm 2000.

¹⁴⁹ Nuôi tôm theo hình thức công nghiệp và bán công nghiệp 9.400 ha.

Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2001 - 2010

	Năm 2001	Năm 2006	Năm 2010
Sản lượng thủy sản	94.000	133.988	160.053
+ Khai thác	65.468	58.008	75.980
+ Nuôi trồng	28.532	77.276	82.777

Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh 1999- 2003 và 2006 - 2010

Thủy sản có phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; các công trình phục vụ phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản triển khai chậm; chưa có giải pháp khai thác có hiệu quả năng lực đánh bắt hải sản xa bờ đã được đầu tư; nuôi thủy sản theo hình thức công nghiệp tăng chậm. Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi thủy sản chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều hộ nuôi tôm còn bị thiệt hại do chất lượng con giống và nguồn nước không tốt; năng lực sản xuất giống còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu cho nghề nuôi. Kiểm tra, kiểm soát giống thủy sản chưa tốt.

Ngày 21/6/2004, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết 09-NQ/TU “Về đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2010”. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, đã huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư phát triển mới cơ sở công nghiệp, như: Xí nghiệp CATACO, nhà máy nước khoáng (Long Toàn, huyện Duyên Hải), Công ty mía đường Trà Vinh, Nhà máy chế biến thủy sản Định An (Trà Cú), Nhà máy chế biến cơm dừa nạo sấy xuất khẩu, Công ty may Hồng Việt. Các cơ sở cũ được đầu tư nâng cấp, mở rộng với thiết bị công nghệ hiện đại... Nhiều doanh nghiệp phát huy tốt hiệu quả đầu tư như: Công ty Trà Bắc, Công ty Thủy sản Cửu Long, Công ty cổ phần Dược phẩm Trà Vinh; đầu tư Khu công nghiệp Long Đức với tổng diện tích là 100,6 ha; đến cuối năm 2010, có 25 dự án được cấp phép đầu tư trong Khu công nghiệp, với tổng vốn đầu tư 89,25 triệu USD, trong đó có 11 dự án FDI (63,46 triệu USD); có 12 doanh nghiệp đi vào hoạt

động, trong đó các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động¹⁵⁰; Công ty Mỹ Lan đã hoàn thành đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất vật tư ngành in. Thành lập Khu kinh tế Định An, bổ sung quy hoạch Khu công nghiệp Cầu Quan, Cổ Chiên và mở rộng Khu công nghiệp Long Đức.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2001 - 2005 tăng 28,68%/năm; giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân 15,72%/năm. Năm 2010, giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt gần 3.600 tỷ đồng, phần lớn các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều phát triển ổn định và tăng khá so với năm 2005 như: Tôm đông lạnh, cá phi lê, dược phẩm, hoá chất phục vụ ngành in, bảng kẽm, đường kết, than hoạt tính, tơ sơ dừa, cơm dừa nạo sấy, chế biến hương thực - thực phẩm, may mặc, nước máy, gạch xây dựng, sản phẩm cơ khí...

Một số làng nghề truyền thống đã được củng cố và khôi phục như nghề đan lát, dệt chiếu ở Đức Mỹ, Đại Phước (huyện Càng Long), Hàm Giang (huyện Trà Cú). Đồng thời, phát triển một số cơ sở mới ở Châu Thành, Cầu Ngang, Tiểu Cần... Đến năm 2010, toàn tỉnh có 8.520 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giải quyết việc làm cho 43.000 lao động, tăng 21.500 lao động so năm 2005.

Tuy nhiên, thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp còn hạn chế, một số dự án đã đăng ký nhưng chậm triển khai. Các ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa vững chắc, một số mặt hàng sản xuất gặp khó khăn về nguyên liệu, nhất là ngành thảm lát xuất khẩu thường hay biến động do thay đổi mẫu mã sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, trong khi khả năng độc lập còn nhiều hạn chế, mà phải gia công bán thành phẩm và tiêu thụ qua trung gian, nên hiệu quả kinh tế không cao, chủ yếu là giải quyết việc làm cho lao động.

Nguồn vốn đầu tư phát triển trong các năm qua tăng khá. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trong thời kỳ 2001 - 2005 là 7.596,5 tỷ đồng, thời kỳ 2006 - 2010 tăng lên 25.550 tỷ đồng. Tỷ trọng vốn đầu tư/GDP chiếm trung bình từ 40 - 43%. Năm 2010, vốn trong nước là 6.200

¹⁵⁰ bao gồm: Công ty Khải Hoàn sản xuất giấy da, thu hút gần 1.000 lao động; Công ty Long Đức sản xuất chế biến hạt điều thu hút gần 500 lao động; Công ty Hoá chất Mỹ Lan thu hút gần 100 lao động

tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 81,85% tổng nguồn vốn. trong đó vốn ngân sách nhà nước (địa phương quản lý) chiếm 24,2%; vốn tín dụng ưu đãi đầu tư chiếm 0,67%; vốn của doanh nghiệp nhà nước chiếm 0,52%; vốn đầu tư dân cư và doanh nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 41,48%; còn lại là vốn Trung ương đầu tư trên địa bàn là 20%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 550 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,15% trong tổng nguồn vốn.

Trong 10 năm, tình tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều công trình dự án được đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả, góp phần tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống Nhân dân. Đến cuối năm 2010, hiện trạng kết cấu hạ tầng của tỉnh như sau:

- Mạng lưới giao thông phát triển, nâng cấp và phát triển gần 3.600 Km đường giao thông (có 917 Km đường nhựa), trên 1.500 Km đường giao thông nông thôn được bê tông hóa, tổng kinh phí trên 2.000 tỷ đồng; xe ô tô đến được trung tâm 102/104 xã, phường, thị trấn; xe mô tô đến được 100% ấp, khóm. Xây mới trên 500 cầu bê tông cốt thép, tổng chiều dài 15.000 m; hoàn thành xây dựng Cầu Long Toàn (*khánh thành vào ngày 29/8/2003*); xây dựng cầu Láng Chim (*khởi công vào ngày 29/5/2004*); xây dựng mới nhiều cầu bê tông cốt thép, cầu giao thông nông thôn; đưa vào hoạt động phà Cổ Chiên, thông tuyến quốc lộ 60; nâng cấp mở rộng các quốc lộ 53, 54; thi công Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu (kênh đào Trà Vinh), chuẩn bị triển khai cầu Long Bình 3 và cầu Tâm Phương, khởi động đầu tư cầu Cổ Chiên, đường tỉnh 915, đường vào Đền thờ Bác, cảng biển Trà Cú... Đến năm 2010, hiện trạng hệ thống giao thông của tỉnh gồm có:

+ *Đường bộ*: tổng chiều dài quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và các đường giao thông nông thôn khác gần 3.000 km (trong đó có 600km đường trải nhựa).

* Đường quốc lộ có 3 tuyến, dài 248 km

Quốc lộ 53: Tổng chiều dài 126,5 km. Đã xây dựng đoạn tránh qua thị xã Trà Vinh, cầu Long Toàn cùng với đoạn tránh qua thị trấn Duyên Hải. Nâng cấp mở rộng đoạn cửa ngõ thị xã Trà Vinh theo tiêu chuẩn cấp II và đoạn thị xã Trà Vinh đến Duyên Hải đạt tiêu chuẩn cấp III.

Quốc lộ 54: dài 67 Km, là tuyến đường quan trọng thứ hai của tỉnh có tác dụng phá thế độc đạo của quốc lộ 53, từng bước được đầu tư theo tiêu chuẩn.

Quốc lộ 60: dài 55 Km, được đầu tư nâng cấp, đặc biệt là việc phục hồi đoạn tuyến từ phà Cổ Chiên đến quốc lộ 53 (Bình Phú).

* Đường tỉnh có 5 tuyến, dài 183,08 Km, gồm: **Tỉnh lộ 911:** Tổng chiều dài toàn tuyến là 36,4 Km; **Tỉnh lộ 912:** Tổng chiều dài 17,2 Km, đạt tiêu chuẩn cấp IV, đảm bảo khai thác đồng bộ; **Tỉnh lộ 913:** Tổng chiều dài 32,2 Km, mới đạt tương đương đường cấp V; **Tỉnh lộ 914:** Tổng chiều dài toàn tuyến 36,5 Km, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, trừ đoạn nối dài mới đạt cấp V; **Tỉnh lộ 915:** Tổng chiều dài 60,8 km; tiêu chuẩn kỹ thuật đạt cấp VI đồng bằng.

* Đường huyện (hương lộ): có 39 tuyến với tổng chiều dài 322,35 Km. Cùng với mạng lưới giao thông nông thôn trong tỉnh với trên 400 tuyến đường, với chiều dài hơn 1.600 Km trên khắp địa bàn đến tận vùng sâu, vùng xa...

+ **Đường thủy:** Là hình thức giao thông quan trọng của tỉnh. Đặc biệt sông Cổ Chiên và sông Hậu là các tuyến giao thông thủy quan trọng của quốc gia. Có 01 cảng sông nằm cạnh Khu Công nghiệp Long Đức, diện tích bãi trên 40.000 m², có cầu tàu dài 35 m, có lòng sông rộng và sâu.

- Thủy lợi: Tiếp tục triển khai thực hiện các công trình thuộc dự án Nam Măng Thít, như:

+ **Cống Láng Thè** trên địa bàn huyện Càng Long, chính thức vận hành vào ngày 14/11/2006, kinh phí đầu tư 103 tỷ đồng, công trình có nhiệm vụ kiểm soát mặn, giữ ngọt, tạo nguồn nước ngọt cho 26.650 ha và tiêu úng cho 31.140 ha.

+ **Cống Cái Hóp** trên địa bàn xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, được chính thức vận hành vào ngày 01/12/2006, với tổng kinh phí gần 70 tỷ đồng. Công có nhiệm vụ kiểm soát mặn, giữ ngọt, tạo nguồn nước ngọt và tiêu úng cho 10.000 ha thuộc các xã huyện Càng Long (Trà Vinh và Vũng Liêm (Vĩnh Long)).

Hai công trình trên còn cung cấp nước sinh hoạt cho Nhân dân trong vùng, kết hợp tiêu chua, cải tạo đất, cải tạo môi trường, đảm bảo giao thông thủy, bộ.



*Cống Láng Thê trên địa bàn huyện Gò Công Long,
chính thức vận hành vào ngày 14/11/2006. Ảnh: Sưu tầm*

Đồng thời, đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh mương và tăng thêm 100 Km đê sông, đê biển, bờ kè, lắp đặt trạm bơm, cống, bông... Đến năm 2010, có 91.500 ha diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu và ngăn mặn, chiếm 89% diện tích đất nông nghiệp, tăng hơn 9.000 ha so năm 2005. Có hơn 300 ha đất triển giống được kiên cố hoá kênh mương, mở rộng hàng ngàn ha thâm canh tăng vụ.

- Mạng lưới điện trung thế, hạ thế phát triển mạnh. Ngày 19/8/2004, chính thức đóng điện và đưa vào sử dụng công trình đường dây trung thế 22 Kv vượt sông Cổ Chiên về hai xã cù lao Long Hòa, Hòa Minh; ngày 04/02/2005 đưa điện về ấp Long Trị (xã Long Đức, thị xã Trà Vinh). Tiếp đến đưa điện về ấp Cồn Cò, xã Hưng Mỹ (huyện Châu Thành), ấp Tân Qui 1, Tân Qui 2, xã An Phú Tân (huyện Cầu Kè), nâng tổng số 100% xã, phường, thị trấn có điện lưới quốc gia. Sản lượng điện thương phẩm năm 2006 là 221 triệu Kwh, nguồn điện dự phòng 480 KW. Đến năm 2010, tỉnh có 2.092,5 km đường dây truyền tải điện

trung thế, 2.556,9 km đường truyền tải điện hạ thế, 2.651 trạm hạ thế, 226.225 hộ sử dụng điện đạt 91,20% tổng số hộ dân toàn tỉnh, tăng gần 20% so năm 2000.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam triển khai xây dựng Trung tâm Điện lực Duyên Hải với công suất thiết kế 4.400 MW, nhằm cung cấp thêm nguồn điện cho lưới điện quốc gia; xây dựng mới 60 km đường dây 220 KV, có công suất 115 MVA... Triển khai thực hiện dự án cung cấp điện sinh hoạt cho 20.000 hộ chưa có điện, chủ yếu là đồng bào dân tộc Khmer.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp mở rộng các Nhà máy nước ở thị xã Trà Vinh và các thị trấn, đồng thời triển khai chương trình nước sạch nông thôn cho các xã vùng thiếu nước sinh hoạt nhất là các xã khu vực ven biển và trong vùng có đồng đồng bào dân tộc Khmer, nâng tỷ lệ hộ dân ở thành thị sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh từ 88,60% năm 2008 lên 97,60% năm 2010 và tỷ lệ hộ dân ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh từ 92,70% năm 2008 lên 93,40% năm 2010.

Mặc dù đã tăng cường đầu tư, nhưng nhìn chung hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều mặt yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục, thể thao... Một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm tiến độ thực hiện còn chậm, nhất là nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết... một số nơi chưa huy động tốt nguồn lực của địa phương và Nhân dân đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là thủy lợi nội đồng, giao thông nông thôn. Việc phối hợp, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là công tác giải tỏa, đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện chưa chủ động, thiếu sự phối hợp giữa các ngành - địa phương - chủ đầu tư... làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Năng lực chủ đầu tư còn hạn chế, lúng túng và bị động trong khâu chuẩn bị hồ sơ, dự án; nhiều đơn vị tư vấn, thiết kế chuyên môn, nghiệp vụ còn yếu, đối với các đơn vị có chuyên môn tốt thì lại quá tải, làm ảnh hưởng chung đến công tác triển khai, thực hiện các dự án; kiểm tra giám sát đầu tư xây dựng cơ bản thiếu chặt chẽ, chất lượng một số công trình không cao; lãng phí trong xây dựng còn xảy ra, phân cấp quản lý, sử dụng một số công trình phúc lợi công cộng chưa tốt.

Công tác quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch phát triển hạ tầng chưa được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh kịp thời; chất lượng quy hoạch thấp, chưa thực sự là cơ sở vững chắc cho hoạch định các kế hoạch phát triển, nhất là các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản.

Giai đoạn 2001 - 2010, hoạt động thương mại - dịch vụ trong tỉnh phát triển mạnh; giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2001 - 2005 là 17,5%; giai đoạn 2006 - 2010 là 19,34%. Hàng hóa lưu thông trên thị trường trong tỉnh ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu đời sống và tăng trưởng kinh tế. Doanh nghiệp quốc doanh có 19 đơn vị hoạt động sản xuất - kinh doanh với 1.060 cửa hàng, đại lý, doanh nghiệp ngoài quốc doanh ngày càng phát triển mạnh, với trên 20.000 cơ sở, doanh số bán lẻ chiếm 93% tổng mức lưu chuyển hàng hóa.

Đầu tư, nâng cấp và xây mới mạng lưới chợ, siêu thị trên địa bàn các huyện, thành phố¹⁵¹; đưa vào hoạt động sàn giao dịch thương mại điện tử¹⁵². Hoạt động xúc tiến đầu tư - thương mại được tăng cường, đã thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", đã phối hợp tổ chức các phiên Hội chợ đưa hàng Việt về nông thôn, sức mua trong dân có chiều hướng tăng. Tổng mức luân chuyển hàng hoá bán lẻ năm 2010 đạt 8.468 tỷ đồng, tăng 1,7 lần so năm 2006 và 4,56 lần so năm 2001¹⁵³.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 140,558 triệu USD, tăng 113,548 triệu USD so năm 2001 và tăng 86,778 triệu USD so năm 2006. Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2006 - 2010 đạt 26,4%. Một số mặt hàng xuất khẩu tăng khá: gạo, tôm đông lạnh, cơm dừa nạo sấy, tơ xơ dừa... Ngoài những mặt hàng xuất khẩu truyền thống, đã có thêm những mặt hàng mới: nhân hạt điều, hoá chất, bán kềm in, cá fillet, dược phẩm... Thị trường mở rộng đến 34 quốc gia và vùng lãnh

¹⁵¹ Chợ Càng Long, chợ Tiểu Cần, chợ Phường 1, Tp Trà Vinh, siêu thị Vinatext, đang đầu tư siêu thị Coop mart.

¹⁵² Với 37 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia và có khoảng 170 sản phẩm được giao dịch trên sàn.

¹⁵³ Năm 2001 là 1.855 tỷ đồng, năm 2006 là 4.950 tỷ đồng.

thổ, thị trường Châu Á chiếm 54,52%, Châu Âu chiếm 28,56%, Châu Mỹ chiếm 15,07%, Châu Úc chiếm 1,85%.

Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân 11%/năm, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị phụ tùng (chiếm 29,11%); nguyên nhiên vật liệu (chiếm 57,38%); hàng tiêu dùng (chiếm 18,81%) .

Lĩnh vực vận tải, vận tải đường bộ vẫn chiếm ưu thế, toàn tỉnh hiện có 81 tuyến vận tải hành khách liên tỉnh, 11 tuyến nội tỉnh, 08 tuyến xe buýt, 01 tuyến liên vận quốc tế đi Campuchia và phát triển loại hình xe taxi; số lượng các phương tiện vận tải tăng nhanh, năm 2010, tổng số phương tiện vận tải của tỉnh có 4.294 phương tiện¹⁵⁴; khối lượng và doanh thu vận tải đều tăng. Hàng năm vận chuyển trên 5 triệu tấn hàng hóa và 18 triệu lượt hành khách, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và đi lại của Nhân dân. Công tác đăng kiểm, đăng ký phương tiện cơ giới giao thông và công tác đào tạo, cấp giấy phép lái xe, lái tàu được tăng cường; đảm bảo chất lượng và đáp ứng yêu cầu của Nhân dân. Vận tải đường thủy từng bước được khai thác và phát triển.

- *Bưu chính viễn thông*: Mạng lưới dịch vụ bưu điện phát triển nhanh, năm 2007 toàn tỉnh có 01 bưu điện trung tâm, 07 bưu điện huyện, thị xã, 109 bưu điện khu vực. Từ 2007 đến 2010, ngành Bưu điện tiến hành sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, số bưu điện khu vực giảm từ 109 còn 70. Mạng lưới thông tin liên lạc phát triển khá, số thuê bao điện thoại phát triển nhanh từ 164.955 thuê bao năm 2006 (*bình quân 15,8 máy/100 dân*), tăng lên 216.055 thuê bao vào năm 2010¹⁵⁵ (*bình quân 21,5 máy/100 dân*), đảm bảo thông tin liên lạc trong nước và quốc tế. Số thuê bao Internet cũng tăng nhanh, năm 2006 có 1.528 thuê bao, đến năm 2010 là 17.804 thuê bao. Các loại hình dịch vụ bưu chính, viễn thông khá đầy đủ, đa dạng và phong phú, phạm vi cung ứng mở rộng khắp toàn tỉnh, chất lượng phục vụ ngày càng nâng cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu xã hội. Doanh thu *bưu chính - viễn thông tăng nhanh từ 258,8 tỷ đồng năm 2006 tăng lên 575,665 tỷ đồng vào năm 2010.*

¹⁵⁴ Trong đó ô tô chở hàng 1.216 chiếc, ô tô chở khách 2.243 chiếc, và phương tiện vận tải thủy 835 chiếc.

¹⁵⁵ Năm 2006 có 89.261 điện thoại cố định, 75.694 điện thoại di động. Năm 2010 có 198.023 điện thoại cố định, 18.032 điện thoại di động.

- Về các loại hình dịch vụ khác: Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn pháp luật, tin học, dịch vụ kỹ thuật, y tế, giáo dục được khuyến khích phát triển và có bước phát triển khá, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Du lịch tiếp tục phát triển, kết cấu hạ tầng du lịch được đầu tư, như: Khu du lịch biển Ba Động, khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn, khu văn hóa du lịch Ao Bà Om, mở rộng khu di tích Đền thờ Bác Hồ... Đến năm 2010, toàn tỉnh có 35 doanh nghiệp du lịch, 42 cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn, có khả năng đón tiếp được khách quốc tế. Doanh thu của ngành du lịch năm 2005 tăng trên 2 lần so năm 2001, lượng khách du lịch tăng 1,5 lần năm 2010.

Tuy nhiên, dịch vụ phát triển chưa đa dạng, chưa đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chậm thích ứng với cơ chế thị trường; triển khai xây dựng các chợ trung tâm đầu mối chậm; nhiều chợ xã đã quá tải, một số chợ mới xây dựng nhưng chậm phát huy hiệu quả. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, công tác xúc tiến thương mại, quảng bá du lịch còn hạn chế, chưa xây dựng được thương hiệu hàng hóa của tỉnh.

Ngày 17/01/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 04-CTr/TU "Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước". Tỉnh đã sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước, thực hiện cổ phần hóa 07 doanh nghiệp Nhà nước, giải thể doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả... Nhìn chung, sau khi sắp xếp, cổ phần hóa, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đều có hiệu quả. Liên doanh với doanh nghiệp Trung ương và nước ngoài thành lập Công ty May xuất khẩu.

Ngày 09/7/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 06-CTr/TU "Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về "tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể". Thực hiện Chương trình hành động số 06, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế trang trại được quan tâm cùng cổ và phát triển; đã phát triển mới 109 hợp tác xã, 03 liên hiệp hợp tác xã, 100 tổ hợp tác; đồng thời giải thể 51 hợp tác xã sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả. Đến năm 2010, toàn tỉnh có 03 liên hiệp hợp tác xã, 125

hợp tác xã, 5.397 tổ hợp tác, 1.807 trang trại trồng trọt, chăn nuôi, nhiều hợp tác xã làm ăn có hiệu quả. Kinh tế tư nhân tiếp tục được tạo điều kiện phát triển.

Tuy nhiên, tư duy kinh tế thị trường của một số ngành kinh tế và doanh nghiệp Nhà nước chưa đủ mạnh để vượt qua những thách thức gay gắt về cạnh tranh và thị trường, thiếu tầm chiến lược trong kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Các doanh nghiệp của tỉnh chưa thật sự gắn kết chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp, chưa tạo được đầu ra cho nông sản để thúc đẩy sản xuất phát triển, thực hiện liên kết 4 nhà theo Quyết định 80 của Thủ tướng Chính phủ chưa tốt. Tổ chức lại sản xuất trong nông nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, kinh tế hợp tác hiệu quả hoạt động chưa cao, kinh tế trang trại năng lực sản xuất, tay nghề chưa đạt yêu cầu.

Về thu ngân sách: Năm 2002, thu ngân sách trên địa bàn đạt 234,3 tỷ đồng; năm 2010 đạt 530 tỷ đồng, chưa đạt mục tiêu vào năm 2010 thu ngân sách trên địa bàn là 800 tỷ đồng. Trong những năm qua, với việc thực hiện các biện pháp cải tiến, quản lý nguồn thu, tăng cường chống thất thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại; triển khai các luật thuế kịp thời, những ưu đãi của Luật thuế mới đã được thực hiện khá đầy đủ nên đã tác động tốt đến sản xuất kinh doanh... Thu ngân sách đảm bảo một phần nguồn lực để thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, tạo nguồn thu lâu dài, vững chắc.

Chi ngân sách: Tổng chi ngân sách năm 2001 là 868,621 tỷ đồng, năm 2006 là 1.519 tỷ đồng, đến năm 2010 tăng lên 3.594 tỷ đồng. Bình quân chi ngân sách hàng năm thời kỳ 2001 - 2005 tăng trên 17% và giai đoạn 2006 - 2010 tăng 24%, trong đó chi thường xuyên tăng bình quân 30,9%, chiếm tỷ trọng 60% - 70%, chi cho đầu tư phát triển (kể cả nguồn xổ số kiến thiết), tăng bình quân 33%, chiếm tỷ trọng 30 - 40%. Việc điều hành chặt chẽ, hợp lý, tiết kiệm, bảo đảm mối quan hệ hợp lý giữa chi thường xuyên và đầu tư phát triển¹⁵⁶, ưu tiên chi đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm.

¹⁵⁶ Tỷ lệ chi cho xây dựng cơ bản năm 2001 chiếm 11,78%, năm 2006 chiếm 16,09% và năm 2010 chiếm 28,11%.

Tuy nhiên, năm 2010, thu ngân sách trên địa bàn tính chi mới đáp ứng được 30% chi thường xuyên.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương, hệ thống ngân hàng trên địa bàn đã phát triển mạng lưới rộng khắp đến các huyện, thị trong tỉnh. Với việc tranh thủ khai thác nguồn vốn từ Trung ương và huy động tại địa phương bằng nhiều hình thức phong phú, lãi suất linh hoạt đã đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng tăng của các thành phần kinh tế trong tỉnh. Các ngân hàng đã đẩy mạnh hiện đại hoá hệ thống thanh toán, đa dạng hoá các dịch vụ để ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ, thanh toán, chủ động tiếp cận khách hàng để tham gia đầu tư vốn vào các dự án sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; đầu tư vốn cho vùng nông thôn, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Từ đó, tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay trung và dài hạn bình quân hàng năm tăng trên 25%, dư nợ năm 2001 đạt 149,818 tỷ đồng, dư nợ năm 2006 đạt 998,175 tỷ đồng và đến năm 2010 là 2.939,242 tỷ đồng, trong đó dư nợ ngành dịch vụ - thương mại tăng bình quân hàng năm trên 27%; dư nợ công nghiệp - xây dựng tăng bình quân trên 7%, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Hoạt động cho vay chính sách đã đầu tư trên 355 tỷ đồng cho trên 74.000 lượt hộ nghèo vay để sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, các chương trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội đã tác động tích cực đến vùng nghèo, vùng khó khăn; vốn tín dụng chính sách được ủy thác qua 4 tổ chức chính trị - xã hội, thông qua 79 điểm giao dịch tại 79 xã, phường, thị trấn để cho vay đến các đối tượng nghèo, giải quyết việc làm, học sinh, sinh viên, xuất khẩu lao động, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, các Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh tiếp tục hoạt động an toàn, hiệu quả, nguồn vốn hoạt động, cơ sở vật chất và chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng lên, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, giảm nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn.

Đến năm 2010, trên cơ sở phát triển toàn diện hệ thống ngân hàng theo hướng hiện đại hóa với quy mô hoạt động lớn hơn, cùng với việc

phát triển công nghệ và trình độ quản lý tiên tiến, áp dụng chuẩn mực quốc tế, phát triển đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán với chất lượng cao và mạng lưới phân phối phát triển hợp lý nhằm cung ứng đầy đủ, kịp thời các dịch vụ tiện ích ngân hàng, hoạt động ngân hàng cung ứng đầy đủ nhu cầu vốn và các dịch vụ ngân hàng cho các thành phần kinh tế, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, cơ chế tín dụng có mặt còn có những hạn chế, người dân và các doanh nghiệp còn khó khăn trong tiếp cận các nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

Kinh tế đối ngoại: triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp về kinh tế đối ngoại, xây dựng danh mục các dự án mời gọi, thu hút đầu tư, đã thu hút 23 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn đăng ký 77,58 triệu USD, chủ yếu trên các lĩnh vực: giấy da, hóa chất, chế biến thủy sản... Tiếp nhận và giải ngân 19,4 triệu USD vốn ODA và gần 1.000 tỷ đồng của các tổ chức phi chính phủ (NGO), hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng cường năng lực cộng đồng.

2. Văn hoá - xã hội

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí tiếp tục phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và nhu cầu thông tin, hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) “*về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc*”. Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được quan tâm thực hiện đạt hiệu quả, đến năm 2010, toàn tỉnh có 477/804 ấp, khóm văn hoá; 18/104 xã, phường, thị trấn văn hoá, 1.063 cơ quan, trường học, cơ sở tín ngưỡng văn minh. Quan tâm đầu tư các công trình văn hoá và thiết chế văn hoá; chú trọng trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá và thực hiện các đề tài nghiên cứu, bảo tồn văn hoá phi vật thể. Đến năm 2010, có 21 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, trong đó cấp quốc gia 08 và cấp tỉnh là 09 (trong đó di tích lịch sử 11, kiến trúc nghệ thuật 04 và khảo cổ 01).

Báo chí, phát thanh - truyền hình: Báo Trà Vinh phát hành 3 số/

tuần (1.500 bản/số), báo chữ Khmer 01 số/tuần (2.000 bản số) phục vụ tốt nhu cầu nắm bắt thông tin trong Nhân dân. Đài Phát thanh - Truyền hình có bước cải tiến về nội dung, hình thức, thời lượng phát sóng, tiếng Việt phát thanh 10,3 giờ/ngày, phát hình 18 giờ/ngày; tiếng Khmer phát thanh 90 phút/ngày; phát hình 01 giờ/ngày. 08/08 huyện, thành phố có Đài Truyền thanh, 100% xã, phường, thị trấn có trạm truyền thanh... Các chương trình phát thanh, truyền hình ngày càng phong phú, kịp thời tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phản ánh kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh.

Hệ thống thư viện được duy trì và phát triển, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, nghiên cứu của Nhân dân, nhất là học sinh, sinh viên. Năm 2010, tỉnh có 08 thư viện (01 thư viện tỉnh và 07 thư viện huyện, thành phố) với trên 138 nghìn đầu sách; thư viện tỉnh và huyện phục vụ hàng năm khoảng 111.000 lượt bạn đọc; ngoài hệ thống thư viện tỉnh và huyện, toàn tỉnh có 37,9% xã, phường có thư viện.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, ngày 05/5/2005, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 04/2005/QĐ-UBT về việc thành lập Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan quản lý Nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Sở Thông tin và Truyền thông có 05 phòng: Văn phòng, Phòng Nghiệp vụ Bưu chính - Viễn Thông, Phòng Kế hoạch và Thẩm định, Phòng Nghiệp vụ Công nghệ - Thông tin và Thanh tra.

Mạng lưới viễn thông được đầu tư, nâng cấp, xây dựng 4 điểm phục vụ bưu chính; mạng lưới viễn thông đảm bảo tốt nhu cầu thông tin liên lạc, phục vụ công tác lãnh đạo và phát triển sản xuất kinh doanh. Đến cuối năm 2010, có 100% xã, phường, thị trấn đã phủ sóng điện thoại, Bưu điện Trung tâm tỉnh liên lạc quốc tế thuận tiện, nhanh chóng và thông suốt. Đến cuối năm 2010, mật độ thuê bao điện thoại của tỉnh đạt 97 thuê bao/100 dân (gồm điện thoại cố định và điện thoại di động). Bưu chính, ngoài chuyển phát, mở thêm nhiều hình thức dịch vụ mới như: Điện hoa, bưu phẩm chuyển phát nhanh EMS, chuyển tiền nhanh, tiết kiệm bưu điện, bảo hiểm bưu điện... hoạt động có hiệu quả.

Triển khai các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình của Trung ương như: Tín học cho khối Đảng, Đề án 112 và tăng cường thiết bị cho các sở, ngành. Năm 2010, 100% sở, ngành, huyện, thành phố sử dụng mạng cục bộ (LAN); 23/23 đơn vị lắp đặt mạng truyền số liệu chuyên dùng; tỷ lệ cán bộ, công chức có máy tính sử dụng đạt 66%. Triển khai sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua văn phòng điện tử (M-office) phục vụ công tác cải cách hành chính tại 25 sở, ngành, huyện, thành phố.

Hoạt động thể dục thể thao quần chúng được phát triển sâu rộng từ tỉnh đến cơ sở và trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học; phong trào thể thao quần chúng đã thu hút nhiều đối tượng quần chúng tham gia; tỷ lệ người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên năm 2010 đạt 24,5% dân số; số gia đình thể thao đạt tỷ lệ 14,3%; có 88% trường học thực hiện thể dục thể thao ngoại khóa. Hàng năm, tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh, huyện và tham dự nhiều giải thể thao cấp khu vực và toàn quốc, giành được nhiều huy chương các loại¹⁵⁷. Số vận động viên chuyên nghiệp của tỉnh đến năm 2010 có 143 người; vận động viên cấp cao là 22 người (17 nam và 5 nữ)¹⁵⁸.

Công tác quản lý văn hóa tuy có được tăng cường, nhưng có mặt còn thiếu chặt chẽ, số băng, đĩa có nội dung phản động, độc hại còn lén lút lưu hành trên địa bàn tỉnh, tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm, cướp giật... có chiều hướng gia tăng, chất lượng ấp, xóm văn hóa và phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng có biểu hiện sa sút; việc xây dựng các mô hình và xây dựng các thiết chế văn hóa còn chậm. Nội dung, hình thức báo chí, phát thanh - truyền hình, truyền thanh chưa thật phong phú và đa dạng, thiếu sức thu hút, phản ánh các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt còn ít, phê phán các hành vi tiêu cực trong xã hội chưa mạnh dạn và thiếu kịp thời. Phong trào thể dục thể thao phát triển không đều; phong trào thể dục - thể thao quần chúng chưa rộng

¹⁵⁷ Riêng năm 2010 đạt 42 huy chương trong nước gồm: 13 huy chương vàng, 14 huy chương bạc, 15 huy chương đồng; 05 huy chương trong các kỳ thi đấu Châu Á và ASEAN, với 2 huy chương bạc và 3 huy chương đồng.

¹⁵⁸ Vận động viên được phong kiện tướng là 10 người, vận động viên cấp I là 12 người.

mạnh, thể thao thành tích cao còn khiêm tốn so với khu vực và cả nước. Nguồn lực đầu tư cho thể dục - thể thao còn ít. Thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao còn hạn chế.

Ngày 28/9/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ban hành Chương trình hành động số 09B-CTy/TU "Thực hiện Kết luận hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo đến năm 2005 và đến năm 2010". Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng dạy và học; cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được hoàn thiện và tăng cường. Hoàn thành dự án xây dựng 1.000 phòng học theo chương trình kiến cố hóa trường lớp của Chính phủ. Đến cuối năm 2010, toàn tỉnh có 452 trường học và trung tâm đào tạo với 5.315 lớp học¹⁵⁹; có 32 trường tiểu học và 02 trường mẫu giáo được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, có 614 lớp học 2 buổi/ngày. Huy động 183.219 học sinh các cấp học; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học tiểu học đạt 99,5%, trung học cơ sở đạt 90,45%, trung học phổ thông đạt 68,5%. Đội ngũ giáo viên được bổ sung về số lượng, đến năm học 2009 - 2010 có 10.011 người¹⁶⁰ và nâng dần chất lượng theo hướng chuẩn hoá, đáp ứng yêu cầu giảng dạy ở các cấp học. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục; thực hiện việc thay sách và phân ban ở lớp 10; chất lượng dạy và học được duy trì, ổn định; tỷ lệ học sinh lên lớp ở các cấp học đều tăng, tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, trung học cơ sở năm sau cao hơn năm trước; tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2010 đạt 78,45%.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận đạt chuẩn quốc gia vào cuối tháng 12/2006. Năm 2008, tỉnh đề nghị Bộ Giáo dục - Đào tạo kiểm tra công nhận Trà Vinh đạt chuẩn Quốc gia phổ cập trung học cơ sở vào cuối tháng 12/2007.

¹⁵⁹ Trong đó phòng học kiên cố chiếm 86,33%, phòng bán kiên cố chiếm 13,66%.

¹⁶⁰ Trong đó giáo viên tiểu học 4.732 người, giáo viên trung học cơ sở 3.525 người và trung học phổ thông 1.754 người.

Thực hiện Chỉ thị 06-CT/TU ngày 10/4/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "về phát huy sức mạnh toàn dân xây dựng xã hội học tập từ cơ sở", công tác xã hội hóa giáo dục có nhiều chuyển biến, năm 2010, tỉnh có 05 trung tâm giáo dục thường xuyên, 03 trường mẫu giáo, 36 trung tâm đào tạo ngoại ngữ - tin học dân lập; 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng (151 điểm hoạt động có hiệu quả); các xã, phường, thị trấn đều có Hội Khuyến học; vận động Nhân dân hiến 11.960 m² đất xây dựng trường học, các tổ chức, cá nhân ủng hộ gần 4 tỷ đồng xây dựng phòng học, mua sách vở, đồ dùng học tập và tặng học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo.

Ngày 03/8/2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 4474/QĐ-BGDĐT Về việc thành lập Trường Cao đẳng cộng đồng Trà Vinh trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trường Dạy nghề tỉnh Trà Vinh. Trường chính thức đi vào hoạt động từ năm học 2002 - 2003 theo mô hình trường cao đẳng cộng đồng ở các nước Bắc Mỹ, đào tạo đa cấp, đa ngành gắn với doanh nghiệp, nhu cầu cộng đồng và xã hội.

Ngày 19/6/2006, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg Về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh trên cơ sở Trường Cao đẳng cộng đồng Trà Vinh. Trường sẽ đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật đa cấp, đa ngành ở bậc đại học và thấp hơn, cung cấp các dịch vụ góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Trà Vinh và Đồng bằng Sông Cửu Long. Năm học 2006 - 2007, quy mô đào tạo của trường là 11.600 sinh viên.

Ngày 21/4/2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2274/QĐ-BGDĐT Về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Trà Vinh. Trường được giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ở trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn gồm các chuyên ngành chủ yếu: Điều dưỡng, hộ sinh, dược, y sĩ, kỹ thuật viên y học và nghiên cứu khoa học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Với việc thành lập Trường Cao đẳng Cộng đồng, sau đó nâng lên thành Trường Đại học Trà Vinh; thành lập Trường Cao đẳng Y tế, 03

trường trung cấp chuyên nghiệp¹⁶¹, các Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ, 05 Trung tâm Giáo dục thường xuyên, 02 Trung tâm Kỹ thuật - Tổng hợp, các cơ sở dạy nghề, dạy tin học, ngoại ngữ do tư nhân đầu tư ở thành phố và các huyện... hệ thống đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề ngắn hạn của tỉnh đã có một bước phát triển vượt bậc so với giai đoạn trước, đáp ứng yêu cầu học tập, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân tỉnh nhà.

Tuy nhiên, giáo dục - đào tạo vẫn còn một số hạn chế, chất lượng giáo dục - đào tạo chưa toàn diện; giáo dục đạo đức cho học sinh chưa có sự chuyển biến tích cực; phòng, chống tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường hiệu quả chưa cao, tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng còn cao; trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm của đội ngũ giáo viên nhìn chung còn yếu; tình trạng học thêm, dạy thêm trái quy định chưa được khắc phục tốt. Phần lớn học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông chưa có bước chuyển biến tích cực. Chất lượng giảng dạy và học tập ở các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên và các lớp bổ túc văn hoá có tiến bộ, nhưng chưa vững chắc, chưa đồng đều giữa các trường trên cùng địa bàn và giữa các địa phương. Tiến độ xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia còn chậm.

Thực hiện Chương trình hành động 09B-CTr/TU Ban Thường vụ Tỉnh ủy "Thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khoá IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII) về khoa học - công nghệ đến năm 2005 và đến năm 2010", tỉnh đã ban hành nhiều chính sách thu hút cán bộ khoa học - công nghệ về công tác tại địa phương. Đến năm 2010, số cán bộ khoa học - kỹ thuật toàn tỉnh có 16.745 người¹⁶² có trình độ từ trung cấp trở lên, tăng 1,58 lần so năm 2005.

Thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Giống Nông nghiệp; Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Nghiên

¹⁶¹ Như: Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật, Trường Trung cấp nghề.

¹⁶² Trong đó: Tiến sĩ 02, Bác sĩ chuyên khoa cấp II là 06, Thạc sĩ 209 (chiếm 1,35%), Đại học 7.250 (chiếm 47,65%); 8.300 người có trình độ cao đẳng (chiếm 51%), còn lại là trung cấp.

cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nâng số lượng các đơn vị hoạt động khoa học - công nghệ trong toàn tỉnh lên 16 đơn vị, với tổng số cán bộ khoa học - công nghệ hoạt động trực tiếp trên 300 người. Tiếp tục củng cố và tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho các trạm - trại, phòng thí nghiệm hiện có, đồng thời xây dựng mới trại giống¹⁶³ ở các địa phương. Nhiều phòng thí nghiệm về xét nghiệm y tế, kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, môi trường, thủy sản... được nâng cấp và xây dựng mới.

Hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh và có những chuyển biến tích cực, đã tổ chức thực hiện 22 đề tài nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn¹⁶⁴. Ngoài ra, một số ngành và địa phương cũng tiến hành nhiều cuộc điều tra, khảo sát về mặt xã hội. Các kết quả nghiên cứu này đã góp phần nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, về đạo đức, lối sống, về văn hóa, xã hội... Đồng thời cung cấp các luận cứ khoa học giúp cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh chỉ đạo đi vào chiều sâu. Trên lĩnh vực khoa học tự nhiên đã tổ chức thực hiện 25 đề tài¹⁶⁵. Đây là những cơ sở khoa học cho việc hoạch định các phương án quy hoạch và khai thác hợp lý tài nguyên - môi trường trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cho sự phát triển theo hướng bền vững.

Công tác phổ biến, chuyển giao ứng dụng khoa học - công nghệ được chú trọng. Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng có tiến bộ, góp

¹⁶³ Như: Trại giống cây ăn trái sạch bệnh đầu dòng, trại lúa giống cấp 1 tại Càng Long, trại giống cá tại thị xã Trà Vinh, trại thực nghiệm Khoa học - Công nghệ tại Long Đức - thị xã Trà Vinh, trại giống thủy sản ở huyện Châu Thành, trại thực nghiệm huấn luyện chăn nuôi bò tại huyện Châu Thành và Trà Cú

¹⁶⁴ Như: Biên soạn lịch sử tỉnh, nhân vật chí, địa phương chí, điều tra về tiềm lực khoa học - công nghệ, về dân tộc, tôn giáo, chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội, phân tầng xã hội, xóa đói giảm nghèo, kinh tế vĩ mô

¹⁶⁵ Gồm: Điều tra tài nguyên môi trường ven biển tỉnh Trà Vinh; điều tra tài nguyên khoáng sản và nước ngầm trong toàn tỉnh; điều tra tài nguyên cát sông Tiền, sông Hậu thuộc địa phận tỉnh Trà Vinh; khảo sát, đánh giá biến động môi trường địa chất vùng cửa sông và ven biển tỉnh Trà Vinh; điều tra nguồn lợi thủy sản ven biển và đề ra biện pháp bảo vệ, khai thác một cách hợp lý; nghiên cứu xâm nhập mặn vào mùa khô kiệt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội các huyện ven biển tỉnh Trà Vinh...

phần quản lý chất lượng sản phẩm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về đo lường - chất lượng trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin bước đầu được nối mạng các cơ quan Đảng với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng các huyện, thị ủy trong tỉnh và Văn phòng Trung ương Đảng. Ủy ban nhân dân tỉnh có dự án nối mạng diện rộng với một số sở, ngành tỉnh và huyện, thị nhằm trao đổi thông tin, quản lý, sử dụng dữ liệu của tỉnh Đảng bộ từ nhiệm kỳ V đến nay.

Ngày 02/7/2008, Cổng thông tin điện tử của tỉnh đi vào hoạt động. Cổng thông tin điện tử của tỉnh với địa chỉ www.travinh.gov.vn được xây dựng theo công nghệ portal. Ngoài việc đưa vào vận hành trang chủ (tổng hợp chung toàn tỉnh) bằng ba ngôn ngữ: Việt, Anh và Khmer, Cổng thông tin điện tử tỉnh còn có 04 trang web thành phần¹⁶⁶, thời gian hoạt động 24/24 giờ. Đến cuối năm 2008, có thêm 15 trang thông tin điện tử thành phần của các sở, ngành, huyện, thị xã được xây dựng trên cổng thông tin điện tử tỉnh. Đây là bước đi có tính chất đột phá về công nghệ thông tin và tạo được kênh thông tin chính thức phổ biến các thông tin hoạt động cần thiết phục vụ các cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị, kinh tế - xã hội, các doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh; góp phần hỗ trợ đắc lực cho công cuộc cải cách hành chính đang được Đảng và Chính phủ chỉ đạo thực hiện.

Tuy vậy, vai trò của khoa học công nghệ trong ứng dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội chưa được phát huy đúng mức, nguồn lực về khoa học công nghệ còn thấp; số lượng đề tài nghiên cứu khoa học chưa nhiều, qui mô nhỏ; tiến độ thực hiện một số đề tài còn chậm, chất lượng chưa cao, khả năng ứng dụng còn thấp; công tác chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho Nhân dân chưa sâu rộng, mô hình áp dụng chuyển giao công nghệ chưa được sơ, tổng kết rút kinh nghiệm kịp thời. Việc quản lý, khai thác các chương trình đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại

¹⁶⁶ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh.

các cơ quan đạt hiệu quả chưa cao; việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu.

Ngày 01/7/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 08-KH/TU về “*Triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư TW về củng cố hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở*”. Tiếp đến ngày 11/5/2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 31-CTy/TU về *thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị “về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới”*. Thực hiện Kế hoạch và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các Chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, gia đình, chăm sóc và bảo vệ trẻ em được thực hiện tốt; đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất phục vụ tốt công tác khám, chữa bệnh, mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh, xây dựng đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang, Tiểu Cần; xây dựng Bệnh viện Sản - Nhi, bệnh viện Lao - Phổi. Bệnh viện đa khoa tỉnh được trang bị một số thiết bị hiện đại¹⁶⁷ đáp ứng yêu cầu khám trị bệnh. Năm 2010, tổng số giường bệnh là 2.040 giường (*tăng 625 giường so năm 2006*)⁽¹⁶⁸⁾, số giường bệnh/vạn dân đạt 12,5 giường; 104/104 xã, phường có bác sĩ phục vụ, 4,5 bác sĩ/vạn dân, tỷ lệ chết mẹ/100.000 trẻ đẻ sống là 12,26. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, đến năm 2010, tổng số cán bộ, công chức toàn ngành y tế trong tỉnh có 2.409 người (*chưa tính nhân viên y tế áp, khám*), có 499 bác sĩ (chuyên khoa I: 86, chuyên khoa II: 03), tỷ lệ bình quân 3,6 bác sĩ/10.000 dân; có 43 dược sĩ đại học, 272 dược sĩ trung cấp và 4 dược tá, tỷ lệ bình quân 0,31 dược sĩ/10.000 dân. Tổ chức khám và điều trị cho trên 1,7 triệu lượt người/năm.

¹⁶⁷ Bệnh viện Đa khoa tỉnh có máy CTS Canner; siêu âm màu; siêu âm trắng đen; bộ dụng cụ mổ nội soi; máy giúp thở; máy chụp X quang di động màn hình tăng sáng (C-arm); máy xét nghiệm sinh - hóa tự động; máy phân tích huyết học; máy phá rung tim; bộ dụng cụ phẫu thuật sọ não... Bệnh viện Y học dân tộc cổ truyền trang thiết bị y tế được đầu tư khá tốt, đáp ứng yêu cầu khám trị bệnh Nhân dân.

¹⁶⁸ Giường bệnh tại các bệnh viện là 1.445 giường, phòng khám khu vực là 150 và trạm y tế xã, phường là 445 giường.



Khánh thành bệnh viện Đa khoa khu vực Tiểu Cản. Ảnh: Bá Thi

Các Chương trình mục tiêu y tế Quốc gia phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS được triển khai thực hiện đồng bộ. Tinh tổ chức 2 điểm khám và điều trị miễn phí giấu tên người có HIV/AIDS, người có nhu cầu đến xét nghiệm HIV/AIDS nhằm chủ động ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng. Thực hiện các chiến dịch truyền thông để mọi người biết cách phòng, chống các dịch bệnh; vệ sinh môi trường... Các dịch bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS tuy có xảy ra trên địa bàn tỉnh nhưng được khoanh vùng khống chế không để xảy ra diện rộng, tỷ lệ người mắc và tử vong có xu hướng giảm dần; HIV/AIDS tuy có phát triển nhưng tỷ lệ thấp (dưới 1.000 trường hợp nhiễm HIV/AIDS).

Ngày 12/5/2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 31-CT/TU "Thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị "về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình". Tiếp đến, ngày 18/5/2005, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 32-KH/TU về "Thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư "về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Thực hiện Chương trình hành động số 31 và Kế hoạch số 32 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình được triển khai thực hiện khá

tốt dự án “*làm mẹ an toàn*”: Tăng dân số hợt người khám thai; quản lý chăm sóc tốt thai nhi; tăng tỷ lệ phụ nữ sinh đẻ có cán bộ y tế chăm sóc. Tổ chức thực hiện tốt các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, hàng năm có trên 50.000 người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại; kéo giảm tỷ lệ tăng dân số từ 1,65% năm 2000 xuống còn 1,13%/năm, tỷ suất sinh giảm 3%. Hàng năm tiêm chủng đủ liều cho trên 97% trẻ em dưới 1 tuổi; kéo giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng từ 36% năm 2000, xuống còn 19,70% vào năm 2010.

Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát hành nghề y dược tư nhân và đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là cơ sở sản xuất kinh doanh, bếp ăn tập thể; đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường. Thực hiện 100% bảo hiểm y tế bắt buộc (chiếm trên 53% dân số, kể cả hộ nghèo); bảo hiểm y tế tự nguyện cấp thẻ khám, trị bệnh chiếm 55% dân số, góp phần quan trọng vào việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, từng bước thực hiện công bằng trong việc khám trị bệnh, nhất là người nghèo, đời sống khó khăn. Việc cấp thẻ khám trị bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đạt trên 90%.

Tuy nhiên, quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực y tế còn lơ lửng; cơ chế, chính sách bảo hiểm y tế, khám, chữa bệnh, nhất là đối với người nghèo còn bất cập: việc quá tải trong khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh chậm được khắc phục, thái độ phục vụ bệnh nhân của một bộ phận y, bác sỹ còn hạn chế; tiến độ thực hiện xây dựng, nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện, bệnh viện chuyên khoa và tuyến cơ sở triển khai thực hiện chậm; dịch sốt xuất huyết vẫn còn xảy ra, tình trạng lây nhiễm HIV/AIDS chưa được ngăn chặn; tệ ma túy, mại dâm có chiều hướng gia tăng. Công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh chưa được thực hiện thường xuyên, đồng bộ.

Công tác dạy nghề, giải quyết việc làm được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Triển khai thực hiện tốt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; quan tâm công tác dạy nghề, giải quyết việc làm, đến năm 2010, toàn tỉnh có 12 cơ sở dạy nghề (*01 Trường Trung cấp dạy nghề*). Năm 2010, đã tổ chức 207 lớp dạy nghề ngắn hạn cho 5.157 học viên; tuyển sinh đào tạo dài hạn 323 học viên trung cấp và cao đẳng

nghề; nâng số lao động qua đào tạo nghề toàn tỉnh đạt 28%; thực hiện 194 dự án cho vay trên 18 tỷ đồng giúp nông hộ xóa đói giảm nghèo; tạo việc làm mới cho 18.000 lao động làm việc trong và ngoài tỉnh; giáo dục định hướng và đưa 100 lao động ra nước ngoài làm việc có thời hạn. Đến cuối năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 23,63%.

Ngày 12/4/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 02-CT/TU “*về tăng cường công tác thương binh - liệt sĩ, người có công với cách mạng và phong trào đền ơn đáp nghĩa*”. Thực hiện Chỉ thị 02-CT/TU, công tác thương binh, liệt sĩ và người có công được sự quan tâm của các cấp, các ngành và đạt được những kết quả tích cực. Hoàn thành cơ bản việc xác nhận người có công với cách mạng trong 03 thời kỳ và đề nghị khen thưởng thành tích trong kháng chiến. Vận động gần 200 tỷ đồng cùng với ngân sách xây dựng và bàn giao 9.585 căn nhà tình nghĩa và trên gần 50.000 căn nhà tình thương cho các đối tượng chính sách; riêng năm 2010, đã xây dựng và bàn giao 17.299 căn nhà cho đồng bào dân tộc theo Quyết định 167 của Thủ tướng Chính phủ; 90% hộ chính sách có mức sống trung bình trở lên so với người dân cùng nơi cư trú; 100% xã, phường, thị trấn được công nhận làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, mức sống của gia đình chính sách được nâng lên. Quan tâm đầu tư nâng cấp các nghĩa trang liệt sĩ, quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng bia tưởng niệm.

Quan tâm chăm sóc, giúp đỡ người tàn tật, người già neo đơn, trẻ mồ côi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, người mù nghèo, vận động hỗ trợ gia đình bị thiên tai, hòa hoãn... khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí hàng năm cho gần 1,5 triệu lượt người. Triển khai thực hiện tốt Cuộc vận động “*Ngày vì an sinh xã hội*” năm 2009, huy động trên 167 tỷ đồng.

Công tác giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động được quan tâm, nhưng chưa chuyên biến mạnh; lực lượng lao động, nhất là ở nông thôn chưa đáp ứng được yêu cầu về tay nghề của các doanh nghiệp, công tác đào tạo nghề chưa gắn kết giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo; tỷ lệ lao động sau đào tạo được giải quyết việc làm còn thấp, từ đó hạn chế đến kết quả xóa đói giảm nghèo. Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo còn chậm, mức

sống của người lao động (nông dân, công dân trực tiếp sản xuất) thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào Khmer. Trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, một số địa phương vẫn chưa thực hiện tốt việc lồng ghép các chương trình, dự án nhằm phát huy hiệu quả vốn đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất và giảm nghèo.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được quan tâm củng cố và tăng cường, tạo được những chuyển biến tích cực; từng bước quản lý và khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đưa công tác quản lý và bảo vệ môi trường đi vào nền nếp, từng bước cải thiện môi trường sống, hướng đến mục tiêu phát triển ổn định và bền vững. Đến năm 2010, đã cơ bản ổn định vành đai rừng phòng hộ ven biển thông qua công tác quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng kết hợp trồng mới bổ sung, khoanh nuôi tái sinh rừng. Diện tích trồng mới và khoanh nuôi, tái sinh rừng ở các bãi bồi ven biển bình quân mỗi năm 169 ha, góp phần hạn chế xói lở, ổn định sinh thái vùng ngập mặn ven biển. Quan tâm quản lý, bảo vệ nguồn nước, xây dựng bản đồ quản lý hiện trạng khai thác tài nguyên nước và đánh giá tiềm năng nước dưới đất nhằm quy hoạch, khai thác hợp lý phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao, thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, góp phần khai thác hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên đất đai. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; kiểm soát chất thải, kiểm tra, xử lý các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, không chế việc gia tăng các điểm gây ô nhiễm.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy (khoá IV), ngày 10/10/2003, Tỉnh ủy (khoá VII) ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU "về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer". Thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành tập trung huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, từ đó kinh tế trong vùng có đông đồng bào Khmer tăng trưởng khá; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng ngày càng nhiều; đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, mở rộng diện tích, tăng năng suất, sản lượng lúa, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cải tạo vườn tạp, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản; chăn nuôi tiếp tục phát triển. Chú trọng thực hiện

chủ trương xóa đói, giảm nghèo, đã giải quyết cho hàng chục nghìn lượt hộ Khmer nghèo vay hàng trăm tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất; thực hiện chương trình 135 của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình lồng ghép khác bước đầu đã mang lại hiệu quả thiết thực. Thực hiện phương án hỗ trợ nhà ở đối với hộ cực nghèo trong vùng đồng bào Khmer, tỉnh xây dựng và bàn giao hơn 40.000 căn nhà cho các hộ sử dụng, với tổng kinh phí chung là 35.898 triệu đồng. Từ việc thực hiện các chủ trương, chính sách trên, số hộ khá và giàu tăng lên, số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc giảm bình quân 2%/năm (giai đoạn 2001 - 2005) và 3%/năm (giai đoạn 2006 - 2010). Bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới, 40% ấp, khóm thôn có đồng đồng bào Khmer được công nhận ấp, khóm văn hóa; hệ thống giao thông phát triển, xe ô tô đến được trung tâm các xã; các xã có đồng đồng bào Khmer sinh sống đều có điện lưới quốc gia, nước sạch sinh hoạt, trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa khu vực, phục vụ kịp thời việc khám chữa bệnh cho đồng bào, riêng các bệnh nhân thuộc hộ nghèo được miễn, giảm viện phí.

Công tác giáo dục tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo, đầu tư: Xây dựng và nâng cấp các trường Phổ thông dân tộc nội trú (2 trường cấp III, 5 trường cấp II). Thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách đối với học sinh, sinh viên Khmer¹⁶⁹; số học sinh là người Khmer thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp mỗi năm đều tăng. Việc dạy và học ngữ văn Khmer được mở rộng, năm 2010 có 13.939 học sinh được học ngữ văn Khmer; việc dạy và học bổ túc văn hóa, ngữ văn Khmer, Pali trong vị sự người Khmer ngày càng phát triển. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ, bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy; trang bị phương tiện nghe, nhìn cho 141/141 chùa theo chương trình phù sống phát thanh, truyền hình của Trung ương; một số chùa có thành tích trong kháng chiến và được công nhận di tích lịch sử, văn hóa được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để trùng tu, sửa chữa. Các phong tục tập quán, các lễ hội truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo được tôn trọng, một số chức sắc, tu sĩ có uy tín

¹⁶⁹ Như: Chính sách cử tuyển, xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, miễn, giảm học phí, trao học bổng...

được bầu vào cơ quan dân cử, Ủy ban Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc chăm sóc gia đình chính sách, gia đình có công với nước được thực hiện ngày càng tốt hơn.

Thường xuyên giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, kiên quyết đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng, các hoạt động của bọn tội phạm, tệ nạn xã hội... góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tinh thần đoàn kết gắn bó giữa đồng bào Kinh - Khmer - Hoa, đoàn kết lương - giáo, đoàn kết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân không ngừng được củng cố và tăng cường, đại bộ phận đồng bào Khmer trong tỉnh đều thể hiện niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quan tâm củng cố, tăng cường hệ thống chính trị trong vùng có đồng bào Khmer, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, phát triển đảng viên là người dân tộc Khmer, đến năm 2010 số đảng viên Khmer chiếm 14,98% so với tổng số đảng viên của tỉnh. Đội ngũ cán bộ Khmer được quan tâm đào tạo, đề bạt và bố trí ở các ngành, các cấp, nhiệm kỳ 2001 - 2005 có 04 đồng chí Tỉnh ủy viên, 02 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; nhiệm kỳ 2005 - 2010 có 06 đồng chí Tỉnh ủy viên và 01 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số cấp ủy viên ở cấp huyện và xã, phường, thị trấn cũng tăng so với trước¹⁷⁰. Toàn tỉnh có 2.296 cán bộ, công chức là người Khmer, chiếm 18% so với tổng số cán bộ, công chức của tỉnh; có 505 đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp là người Khmer¹⁷¹; có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và 03 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ngoài cán bộ lãnh đạo, quản lý, tỉnh còn có 01 thạc sĩ và trên 30 bác sĩ, kỹ sư là người Khmer. Trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ Khmer từng bước được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Mặt trận, đoàn thể các cấp có nhiều cố gắng trong việc đổi mới phương thức

¹⁷⁰ Nhiệm kỳ 2005 - 2010, cấp huyện, thị xã có 15 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thị (có 06 Ủy viên Thường vụ); cấp xã có 174 Ủy viên Ban Chấp hành là người Khmer (có 40 Ủy viên Thường vụ và 27 đồng chí là Bí thư, Phó Bí thư).

¹⁷¹ Cấp tỉnh 14, cấp huyện, thị 39, cấp xã 452.

hoạt động, tích cực vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương. Thường xuyên củng cố và phát triển đoàn viên, hội viên trong vùng đồng bào Khmer, từng bước nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể ở cơ sở.

3. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện chiến lược “*diễn biến hòa bình*” bằng các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Bên cạnh đó, mặt trái của cơ chế thị trường đã tác động xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của cả nước nói chung, của tỉnh Trà Vinh nói riêng.

Xác định rõ tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, Đảng bộ đã quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có kết quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quốc phòng - an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của các cấp ủy đảng đối với lực lượng vũ trang. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”; Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị về “*Phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường công tác giáo dục quốc phòng - an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long*”; Nghị định 19, Nghị định 152 của Chính phủ về *khu vực phòng thủ*; Nghị định 119 của Chính phủ về *công tác quốc phòng, quân sự địa phương*... Ngoài việc cụ thể hoá các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, các văn bản của Chính phủ bằng các chương trình hành động và kế hoạch thực hiện, hằng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chỉ thị về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và công tác đảm bảo an ninh trật tự; lãnh đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, bồi dưỡng, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động phòng chống có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “*diễn biến hòa bình*”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Thực hiện Chỉ thị 08-CT/TU ngày 13/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới*”, công

tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo phân cấp được chú trọng, với 27.878 lượt người được tham dự các lớp bồi dưỡng; nội dung, hình thức, chất lượng giáo dục quốc phòng - an ninh từng bước được đổi mới và nâng cao; tạo sự chuyển biến cơ bản trong nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, góp phần tăng thêm sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị ở cơ sở, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Quan tâm lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Tập trung xây dựng tỉnh, huyện, thành phố thành khu vực phòng thủ vững chắc, nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang địa phương; triển khai đầu tư các công trình vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vừa đảm bảo nhu cầu quốc phòng như: Hiện đại hóa mạng lưới viễn thông, phủ sóng điện thoại di động 100% ở trung tâm các huyện, xã, phường, thị trấn; đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, các bến cảng; công trình thủy lợi; trồng cây cải tạo địa hình; xây dựng khu công nghiệp, các làng nghề... Trên cơ sở quyết tâm tác chiến phòng thủ khu vực được phê duyệt, từng bước có kế hoạch xây dựng các công trình phòng tránh đánh trả, các công trình chiến đấu theo phương án và có dự án sẵn sàng xây dựng sở chỉ huy thời chiến, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần kỹ thuật, các kho tàng trong khu vực phòng thủ. Hàng năm tiến hành điều chỉnh, bổ sung các quyết tâm và kế hoạch nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị và địa phương. Tổ chức xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kế hoạch của tỉnh¹⁷². Thực hiện quy hoạch đất quốc phòng đến năm 2010 và xây dựng kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng thời kỳ đầu chiến tranh; hoàn thành công tác điều tra lập kế hoạch địa lý quân sự, khảo sát tuyến ven biển, các cửa sông và các địa bàn trọng điểm.

¹⁷² Như Kế hoạch B quân sự; Kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu; Quy hoạch công trình phòng thủ giai đoạn 2008 - 2015; Kế hoạch bảo vệ vùng trời, vùng biển; Quy hoạch khu vực biển, đảo dành cho quốc phòng - an ninh địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch động viên giai đoạn 2001 - 2005, giai đoạn 2006 - 2010; Kế hoạch phòng chống giám nghe thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ...

Công tác xây dựng lực lượng được chú trọng, theo hướng nâng cao chất lượng tổng hợp. Lực lượng thường trực quân số ở các đơn vị sẵn sàng chiến đấu thường xuyên đạt từ 90% trở lên. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố xây dựng theo Pháp lệnh và Thông tư số 1138/TT-BQP của Bộ Quốc phòng, đạt tỷ lệ 1,59% so với dân số. Thường xuyên củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn, đảm bảo yêu cầu, nhiệm vụ ở cơ sở, đã tổ chức các khoá đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn. Các đơn vị dự bị động viên được tổ chức phúc tra, đăng ký quản lý, xếp nguồn đạt 94,83%, đúng chức danh và từng bước đúng chuyên nghiệp quân sự. Năm 2001, căn cứ Thông báo số 68/TB-QK ngày 05/02/2001 của Bộ Tư lệnh Quân khu giao chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra lực lượng dự bị động viên, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên 5.058 quân nhân dự bị, trong đó huấn luyện 3.438 quân nhân dự bị, kiểm tra sẵn sàng động viên 1.620 quân nhân dự bị. Tỉnh tổ chức tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu 4.883 quân nhân dự bị, đạt 96,54% so với chỉ tiêu trên giao. Hàng năm công tác tuyển quân đều đạt chỉ tiêu, trong đó số đảng viên chiếm 10,38%. Công tác tuyển sinh quân sự trở thành nền nếp, thí sinh đăng ký dự thi và trúng tuyển ngày càng nhiều.

Công tác huấn luyện, diễn tập luôn quán triệt tốt phương châm, phương pháp và nguyên tắc, sát thực tế, hàng năm các địa phương, đơn vị đều hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập; giai đoạn 2001 - 2010, tổ chức gần 500 cuộc diễn tập¹⁷³. Đặc biệt, từ ngày 21 đến ngày 22/7/2009, tổ chức diễn tập phòng chống lụt, bão, tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh theo chỉ đạo của Ủy ban Phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn Trung ương, của Bộ Quốc phòng và Quân khu IX, làm điển hình cho các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Bộ tham quan, rút kinh nghiệm chỉ đạo chung. Cuộc diễn tập được Chính phủ đánh giá cao.

Thường xuyên duy trì thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an, biên phòng tăng cường tổ chức tuần tra, canh gác bảo vệ tốt các mục tiêu trọng điểm, góp phần

¹⁷³ Diễn tập chỉ huy, tham mưu; diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, thành phố; diễn tập chiến đấu trị an các xã, phường, thị trấn; diễn tập chiến thuật cấp trung đội, chiến thuật vòng tổng hợp cấp đại đội...

giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chú trọng công tác phối hợp giữa lực lượng vũ trang với cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân. Năm 2010, tỉnh có 72/104 xã, phường, thị trấn được công nhận vững mạnh về quốc phòng - an ninh; có 446/804 ấp, khóm, khu vực an toàn, làm chủ về quốc phòng - an ninh.

Giai đoạn này trên địa bàn tỉnh, các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đẩy mạnh các hoạt động chống phá, nhất là các hội nhóm Khmer Campuchia Krôm có nhiều nội dung, hình thức tuyên truyền, kích động gây chia rẽ dân tộc, tôn giáo, làm cho tình hình từng lúc, từng nơi diễn biến phức tạp. Trước tình hình trên, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Kế hoạch, Chương trình hành động lãnh đạo thực hiện nghiêm túc tinh thần, nội dung Chỉ thị 05, Kết luận 38 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới; trên cơ sở đó phát huy kết quả các chương trình hành động thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia; về phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc gia vùng đồng bằng sông Cửu Long; về xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên địa bàn tỉnh...; kịp thời xây dựng nghị quyết về thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới và các kế hoạch, phương án phòng, chống biểu tình, phá rối an ninh, bạo loạn, khủng bố; xây dựng và thực hiện các quyết tâm, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu và tổ chức diễn tập xử lý tình huống A2... một cách chủ động, kịp thời. Đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo giữ vững tình hình an ninh chính trị vùng dân tộc, tôn giáo, an ninh đô thị, an ninh nông thôn, góp phần ổn định tình hình khu vực và cả nước. Các lực lượng vũ trang được tập trung củng cố xây dựng theo hướng "cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại", đủ sức làm nòng cốt trong phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", gây rối an ninh, bạo loạn, khủng bố... của các thế lực thù địch. Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp, sự quan tâm của chính quyền đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia.

Quan tâm lãnh, chỉ đạo các ngành, các cấp thường xuyên làm tốt

công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng và xác định rõ hơn trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia; lãnh đạo lực lượng Công an phối hợp chặt chẽ với Quân đội, các ngành, các cấp và phát huy sức mạnh của Nhân dân; chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa các âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các tổ chức phản động người Việt lưu vong lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo và tranh chấp khiếu kiện... để xúi giục, kích động gây rối, phá hoại việc thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và các chủ trương phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp nổi lên về an ninh quốc gia, không để xảy ra biểu tình, phá hoại, gây rối chính trị, không để hình thành tổ chức phản động trên địa bàn tỉnh, đảm bảo giữ vững an ninh, trật tự, góp phần làm ổn định tình hình chính trị ở địa phương.

Các cơ quan chức năng đã có sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên hơn trong công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm nhằm thực hiện tốt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm theo tinh thần Nghị quyết 09 của Chính phủ gắn với thực hiện chương trình quốc gia phòng chống ma túy trên địa bàn tỉnh, kết hợp với việc tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nội bộ và Nhân dân, vận động Nhân dân tích cực tham gia phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư*"; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng ấp, khóm văn hóa gắn với ấp, khóm an toàn về an ninh trật tự, lồng ghép với các chương trình xóa đói giảm nghèo... Đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương, như thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm (giảm tội phạm hình sự, giảm ma túy và giảm tai nạn giao thông); một số nơi có mô hình tốt như: "*Câu lạc bộ tuổi trẻ phòng chống tội phạm*" (ở thị xã Trà Vinh), "*Tuổi trẻ xung kích trên mặt trận an ninh trật tự*" (huyện Càng Long, huyện Cầu Ngang...)

Đấu tranh chống tội phạm kinh tế, đã phát hiện 7 vụ cố ý làm trái các qui định của nhà nước về quản lý kinh tế và 01 vụ đưa hối lộ, khởi tố xử lý hình sự 07 vụ 07 bị can, xử lý hành chính 01 vụ 01 đối tượng. Ngoài ra còn phát hiện 47 vụ có dấu hiệu vi phạm, làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây thiệt hại trên 32 tỷ đồng, qua

đó cùng cố hồ sơ để làm rõ xử lý 10 vụ, số còn lại kiến nghị cơ quan chủ quản khắc phục hoặc xử lý hành chính. Kiểm tra phát hiện 214 vụ vận chuyển mua bán hàng cấm (thuốc lá ngoại), 109 vụ kinh doanh trái phép, 21 vụ trốn thuế... đã thu giữ hàng hóa trị giá trên 1 tỷ đồng và nhiều tang vật khác, truy thu thuế hơn 610 triệu đồng, khởi tố xử lý hình sự 05 vụ 10 bị can, số còn lại xử lý hành chính.

Đấu tranh chống tội phạm hình sự, bắt giữ trên 780 tên tội phạm hình sự, 140 tội phạm tệ nạn xã hội nghiêm trọng, thu hồi tài sản trị giá trên 3 tỷ đồng, triệt phá trên 40 ổ, băng, nhóm, tụ điểm tội phạm. Bắt giữ 77 vụ, 108 tên tội phạm ma túy (có 63 vụ 80 đối tượng vận chuyển mua bán) thu giữ trên 44 gam heroin, trên 01kg cần sa, 05 xe honda, trên 40 triệu đồng và nhiều tang vật khác, ngoài ra đưa vào diện quản lý, giáo dục thường xuyên nhiều đối tượng nghiện ma túy khác tại cơ sở. Qua đấu tranh chống các loại tội phạm nên tình hình tội phạm từng bước được kiểm chế, một số loại tội phạm được kéo giảm.

Tiếp tục triển khai thực hiện “Ngày biên phòng toàn dân”, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân đối với nhiệm vụ xây dựng, quản lý, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, vùng biển và xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng được nâng lên; phong trào quần chúng tham gia bảo vệ biên giới có bước phát triển, phát huy được sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành và toàn xã hội hướng về biên giới, bộ mặt địa bàn các xã ven biển có những chuyển biến tích cực, hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố vững mạnh; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân các xã vùng biển và ven biển được cải thiện, niềm tin của quần chúng đối với Đảng, Nhà nước và chế độ ngày càng cao; thế trận Biên phòng và nền Biên phòng toàn dân ngày càng vững chắc. Chất lượng lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ ở biên giới được nâng lên, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ; chủ quyền, an ninh biên giới vùng biển trên địa bàn tỉnh được giữ vững.

Tuy nhiên, lãnh đạo kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh có lúc, có nơi còn nhiều hạn chế; chất lượng lực lượng vũ trang cơ sở còn có mặt yếu kém. Một số địa phương cấp ủy, chính quyền thiếu quan tâm chỉ đạo củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang ở cơ sở; việc đầu tư xây

dựng các công trình phòng thủ của tỉnh, huyện, thành phố còn ít, thiếu đồng bộ; cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho huấn luyện, nơi làm việc của lực lượng vũ trang ở cơ sở chưa đáp ứng cho yêu cầu. Công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, quản lý hành chính từng lúc, từng nơi thiếu chặt chẽ. Một bộ phận cán bộ và Nhân dân thiếu cảnh giác trước âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Công an ở cơ sở nhiều nơi còn hạn chế về trình độ, năng lực chuyên môn. Trật tự kỷ cương pháp luật và trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp. Một số địa phương, cấp ủy thiếu quan tâm chỉ đạo, củng cố, xây dựng và nâng cao chất lượng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tội phạm và tệ nạn xã hội có mặt gia tăng; xuất hiện một số loại tội phạm cấu kết thành băng nhóm. Tệ tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại vẫn còn xảy ra. Tai nạn giao thông còn ở mức cao. Quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị một số địa phương, đơn vị chưa kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và ngược lại.

Công tác đối ngoại tiếp tục đạt được một số kết quả như: tinh cử gần 1.000 lượt cán bộ đi công tác nước ngoài tìm hiểu thị trường, tập huấn, hội thảo xúc tiến đầu tư, đồng thời tiếp xúc làm việc với 231 lượt đoàn khách nước ngoài đến kiểm tra dự án đã đầu tư, khảo sát thị trường, triển khai dự án mới, tham dự các hội thảo... Tiếp nhận nguồn vốn đầu tư, tài trợ nước ngoài (FDI, ODA, NGO) trên 133 triệu USD. Nguồn vốn FDI triển khai thực hiện trong giai đoạn này chủ yếu đầu tư vào Khu công nghiệp Long Đức và đầu tư sản xuất giày da xuất khẩu; nguồn vốn ODA được triển khai thực hiện các dự án: hạ tầng nông thôn quy mô nhỏ, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thủy lợi Tầm Phương, Kênh nội đồng khu B1 Láng Thè, các cầu trên đường 912, nhà máy nước thị trấn Cầu Kè, nhà máy nước thị trấn Cầu Quan, các dự án rừng ngập mặn ven biển, dự án Nam Măng Thít, đặc biệt Chính phủ Canada giai đoạn này hỗ trợ cho tỉnh rất lớn (hơn 29 triệu đô Canada) để phát triển hệ thống đào tạo qua mô hình trường Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh)...; nguồn vốn tài trợ từ NGO được triển khai thực hiện chủ yếu các dự án: xây dựng trường tiểu học, trường mẫu giáo, hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho nông dân nghèo; thực hiện dự án cải thiện sự tham gia thị trường cho người nghèo do IFAD tài trợ... Năm 2005 triển khai

dự án tài trợ của SIDA - Thụy Điển về cải cách hành chính công với vốn đầu tư 151.400 USD; khởi động dự án *"tăng cường năng lực địa phương"* do UNDP tài trợ...

4. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Triển khai Nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VIII của Đảng bộ về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn bổ sung quy chế làm việc, quy chế phối hợp hoạt động, xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể hóa nghị quyết Đại hội trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; xây dựng cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; quy hoạch, đào tạo cán bộ; hướng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về cơ sở... Đồng thời, Tỉnh ủy ra nghị quyết giao cho từng cơ quan chức năng triển khai, tổ chức thực hiện làm cơ sở cho việc xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết. Trong giai đoạn 2001 - 2010, toàn Đảng bộ tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên, gắn với thực hiện Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được đổi mới và tập trung hơn. Vấn đề giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, được chú trọng trong việc nghiên cứu, quán triệt gắn với xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương. Công tác thông tin, tuyên truyền, thực hiện nhiệm vụ chính trị được tăng cường, gắn việc nắm tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân với giáo dục truyền thống cách mạng, lòng tự hào về dân tộc, về Đảng, về Bác Hồ; xây dựng đạo đức lối sống, nâng cao ý thức cảnh giác, đấu tranh phòng chống âm mưu, thủ đoạn và các hoạt động trong chiến lược *"diễn biến hoà bình"*, bạo loạn lật đổ, phản bác các quan điểm sai trái, các luận điểm xuyên tạc của các thế lực thù địch, đặc biệt chú trọng triển khai, phổ biến sâu rộng nội dung Lịch sử vùng đất Nam bộ của Việt Nam trong cán bộ, đảng viên và đồng bào, các vị chur tăng người Khmer.

Việc tổ chức nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (khoá IX, khoá X), các chính sách, pháp luật của Nhà nước, đã được các cấp ủy đảng trong Đảng bộ thực hiện nghiêm túc, trong đó chú trọng vận dụng các quan điểm, mục tiêu của từng nghị quyết, chỉ thị... trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động của ngành, địa phương sát hợp với đặc điểm, tình hình, là cơ sở để Đảng bộ thực hiện có hiệu quả; tỷ lệ đảng viên học tập đạt trên 97% và triển khai ra hội viên, đoàn viên các đoàn thể đạt gần 80%.

Triển khai thực hiện Thông báo kết luận Kết luận số 94-KL/TW ngày 30/12/2002, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 17/4/2009 của Ban Bí thư (khoá IX) về *"Tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá"*, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện; ban hành Quyết định số 110-QĐ/TU, ngày 21/3/2006 về thành lập ban Tư tưởng Tỉnh ủy, Quyết định số 3280-QĐ/TU, ngày 04/12/2009 về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 34-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Ban Tư tưởng và Ban Chỉ đạo 34 đã tham mưu cho Tỉnh ủy tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân; về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc, tôn giáo; những thành tựu của đất nước, của tỉnh trong công cuộc đổi mới; tuyên truyền Lịch sử vùng đất Nam bộ - Việt Nam; về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, qua đó nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên phải nắm chắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về quốc phòng, an ninh. Đồng thời, triển khai thực hiện tốt Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*; thực hiện tốt các chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc, tôn giáo; kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm trạng trong nội bộ và Nhân dân tại địa bàn để xử lý kịp thời, không để tình hình diễn biến phức tạp, không để xảy ra *"điểm nóng"*. Chủ động phản bác các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc chống phá Đảng và Nhà nước, đặc biệt là trên không gian mạng. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại một số hoạt động chống phá của các thế lực thù địch liên quan đến an

ninh dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đông người, đình công, lãn công trên địa bàn¹⁷⁴.

Ngày 07/11/2006, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, với mục đích: Làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh sâu rộng trong toàn xã hội, đặc biệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, thanh niên, học sinh... nâng cao đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Ngay sau khi có Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 06-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"*, do đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Dương Hoàng Nghĩa, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban Thường trực.

Ngày 03/02/2007, tại lễ kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2007), Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* trong toàn Đảng bộ. Sau lễ phát động, Ban Chỉ đạo Cuộc vận động đã hướng dẫn cho các cấp ủy tổ chức học tập, quán triệt các chuyên đề cụ thể gắn với nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Sau mỗi đợt học tập các chuyên đề, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều xây dựng Kế hoạch thực hiện để các đảng bộ, chi bộ cơ sở làm căn cứ xây dựng chương trình hành động của đơn vị và hướng dẫn các cá nhân viết thu hoạch, có liên hệ và đăng ký phấn đấu.

¹⁷⁴ Xứ lý kịp thời vụ một số đối tượng lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo tại công an huyện Tiểu Cần ngày 17/01/2007; xứ lý, giáo dục cam kết 25 đối tượng và thu giữ 1.679 tài liệu có nội dung xấu, độc trên lĩnh vực tôn giáo; đấu tranh vô hiệu hóa 140 lượt đối tượng và thu giữ 1.078 tài liệu có nội dung phản động.

Để Cuộc vận động được triển khai thực hiện có hiệu quả, thiết thực, thấm sâu trong tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên... Ban Chỉ đạo cuộc vận động đã tổ chức thành công Hội thi kể chuyện "Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, với 145 hội thi từ cấp cơ sở đến cấp huyện, thị ủy Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, có 2.330 thí sinh tham gia¹⁷⁵. Hội thi cấp tỉnh được tổ chức vào ngày 06 và 07/5/2008 với 23 thí sinh tham dự¹⁷⁶. Các hội thi đã tạo nên bầu không khí sôi nổi, hào hứng, thu hút sự quan tâm của đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên; hội thi thật sự là một đợt sinh hoạt chính trị - xã hội sôi động, có sức lan tỏa rộng.

Qua ba năm thực hiện, Cuộc vận động đã đạt được những kết quả thiết thực, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành những nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ; tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và công chức, viên chức, người lao động vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới và sự thành công của Cuộc vận động.

Cuộc vận động đã tạo được sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên và các tầng lớp nhân dân về tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và việc học tập, làm theo tấm gương của Người. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, khắc

¹⁷⁵ Cấp cơ sở 132 cuộc với 1.914 thí sinh, cấp huyện và tương đương 13 cuộc, với 416 thí sinh.

¹⁷⁶ Trong tổng số 16 dự thi cấp tỉnh có 06 thí sinh thuộc lực lượng vũ trang, 03 thí sinh của chi bộ ngành huyện, 04 thí sinh của chi đảng bộ xã, phường, thị trấn, 8 thí sinh ngành giáo dục, đặc biệt có 01 thí sinh là học sinh (15 tuổi) với 22 mẫu chuyện. Các thí sinh đã thể hiện được khả năng kể chuyện, tự tin và truyền cảm, bám sát đề tài, chuẩn bị kỹ đề cương, nêu rõ bối cảnh ra đời, nội dung câu chuyện, rút ra ý nghĩa, bài học từ câu chuyện, liên hệ sát với tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị, nhiệm vụ công tác của bản thân và nêu lên hướng phấn đấu rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Ban Tổ chức đã trao 11 giải cho các thí sinh.

phục khó khăn, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; tạo được sự chuyển biến trong lề lối làm việc và tác phong công tác. Bên cạnh đó, thông qua học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Bác, đã xuất hiện ngày càng nhiều tấm gương cần, kiệm, liêm, chính trong Đảng và xã hội, góp phần ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội. Ngày 19/01/2010, Ban Chỉ đạo cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” tỉnh tổ chức Hội nghị giao lưu, tạo đàm, trao đổi kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Hội nghị đã biểu dương, khen thưởng cho 25 tập thể và 40 cá nhân có thành tích tiêu biểu trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả được tiếp tục thực hiện; lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc sắp xếp, ổn định tổ chức, bộ máy của các cơ quan tham giúp việc, sở ngành, huyện, thị theo Nghị quyết Trung ương và Đề án thực hiện Nghị định 13, 14 của Chính phủ gắn với kiện toàn sắp xếp lại tổ chức đảng.

Ngày 05/9/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh ban hành Quyết định số 794-QĐ/TU về việc thành lập Đảng bộ Bưu điện tỉnh Trà Vinh trực thuộc Tỉnh ủy. Đây là Đảng bộ thứ 13 của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh và cũng là Đảng bộ cơ sở đầu tiên trực thuộc Tỉnh ủy. Đảng bộ có trên 20 chi bộ trực thuộc và gần 330 đảng viên. Ban chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 17 đồng chí, trong đó có 05 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, đồng chí Phạm Hoàng Tuấn, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Bưu điện tỉnh được chỉ định là Bí thư. Đảng ủy Bưu điện tỉnh được ủy quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên. Nhiệm kỳ của Đảng bộ theo nhiệm kỳ của Đảng bộ cơ sở, 5 năm đại hội hai lần.

Căn cứ vào Quy định số 2940-QĐ/TW ngày 23/3/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh, thành phố*”, ngày 07/12/2010, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Quyết định số 129-QĐ/TU về thành lập Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh. Đảng bộ Khối doanh nghiệp tỉnh có 31 tổ

chức cơ sở Đảng (09 Đảng bộ, 22 chi bộ), 28 loại hình doanh nghiệp và 03 loại hình cơ quan. Đồng thời, thành lập 07 Đảng đoàn và 04 Ban Cán sự Đảng¹⁷⁷; sắp xếp các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy từ 9 ban còn lại 6 ban¹⁷⁸; thực hiện việc tách, lập mới 94 tổ chức cơ sở đảng, đồng thời giải thể 45 tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan, đơn vị sự nghiệp; năm 2006 toàn đảng bộ có 531 tổ chức cơ sở đảng, đến năm 2010, tăng lên 593 tổ chức cơ sở Đảng (176 đảng bộ, 417 chi bộ), 2.186 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở, tăng 144 tổ chức so năm 2000. Ban hành các Quy định về chức năng, nhiệm vụ các cơ quan Đảng, các Ban Đảng, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn, hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình chi, Đảng bộ cơ sở.

Trong chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở đảng, tỉnh đặc biệt chú ý xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, đến năm 2010, tỉnh có 405 chi bộ ấp, không có đảng viên Khmer, chiếm 78,94% so với ấp, không có đồng bào Khmer. Đồng thời, quan tâm kiện toàn tổ chức, kết nạp đảng viên ở các trường học, đã khắc phục trên 40 trường học chưa có chi bộ, nâng tổng số hiện có 379 trường học ở cơ sở có chi bộ, đạt 92,66%.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) tiếp tục được đẩy mạnh, trọng tâm là nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới. Gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ củng cố hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, chú trọng việc phát huy dân chủ trong sinh hoạt Đảng, tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết nội bộ, nâng cao chất lượng sinh hoạt ở từng chi bộ.

¹⁷⁷ Gồm: Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật). Ban cán sự đảng gồm: Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Trà Vinh.

¹⁷⁸ Giải thể Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy giao các chức năng nhiệm vụ của các ban này về Văn phòng Tỉnh ủy. Còn lại 5 ban là: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy.

Các cấp ủy và tổ chức cơ sở Đảng quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác kết nạp đảng viên, có xây dựng chương trình, kế hoạch chuyên đề về công tác kết nạp và nâng cao chất lượng đảng viên, xem đây là một nội dung quan trọng trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, chú trọng công tác tạo nguồn. Đảng ủy cơ sở chỉ đạo tạo nguồn từ các chi bộ trực thuộc, chi bộ có phân công đảng viên, tổ chức đoàn thể theo dõi, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng ưu tú, giao nhiệm vụ để thử thách. Thực hiện quy hoạch, bồi dưỡng nhiều nguồn, trong đó luôn quan tâm vào các đối tượng trẻ, nữ, dân tộc, tôn giáo... đồng thời gắn với các phong trào hành động cách mạng và các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước để xét cảm tình Đảng và kết nạp đảng viên. Từ năm 2001 đến năm 2010 đã kết nạp 15.676 đảng viên; nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh đến năm 2010 là 32.208 đồng chí, chiếm 3,20% so với dân số (năm 2000, đảng viên chỉ chiếm 1,67% dân số); trong đó đảng viên nữ 8.158, chiếm tỷ lệ 25,32%; đảng viên dân tộc Khmer 4.827, chiếm tỷ lệ 14,98%, đảng viên dân tộc Hoa 108, chiếm tỷ lệ 0,33%. Chất lượng đảng viên mới được kết nạp không ngừng được nâng lên về nhận thức chính trị, trình độ học vấn và theo hướng trẻ hóa; đã góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, thuận lợi cho việc tạo nguồn quy hoạch, đào tạo cán bộ các cấp trong hệ thống chính trị của tỉnh.

Thực hiện quy trình, nội dung đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên theo đúng hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương; đảm bảo quy trình chặt chẽ từ cơ sở, đến việc kiểm tra, thẩm tra, đánh giá của cấp trên. Qua đánh giá, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên ngày càng nâng lên. Năm 2003 có 74,44% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh; đến năm 2006 là 82,60%, năm 2010 là 82,95%. Số tổ chức cơ sở Đảng yếu kém giảm từ 1,77% năm 2003 xuống còn 1,52% năm 2006 và đến năm 2010 còn 0,17%. Năm 2006 có 64,15% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2008 chiếm tỷ lệ 73,52%, đến năm 2010 có 75,09% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Số đảng viên vi phạm tư cách giảm hàng năm, từ 1,54% năm 2006 xuống còn 1,26% năm 2008 và năm 2010 còn 0,67%

Thực hiện Quyết định số 67-QĐ/TW, 68-QĐ/TW của Bộ Chính trị

(khóa X) Về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử, Tỉnh ủy cụ thể hóa xây dựng các Quy định số 2258-QĐ/TU, Quy chế số 2259-QĐ/TU ngày 14/12/2007 phù hợp với tình hình thực tế để chỉ đạo thực hiện đồng bộ các khâu theo quy trình. Qua thực hiện các quy định, các cấp, các ngành nhận thức đúng về quan điểm, nguyên tắc trong công tác cán bộ và có bước chuyển biến tích cực; xác định đúng vị trí, vai trò then chốt và tính chất quyết định của công tác cán bộ thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời đề cao vai trò trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu trong công tác cán bộ, tạo chuyển biến tích cực và đưa công tác cán bộ đi vào nền nếp. Chỉ đạo các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quy hoạch đội ngũ cán bộ kế cận từ tỉnh đến cơ sở. Quá trình thực hiện đã phát huy dân chủ, tạo điều kiện thuận lợi phát hiện được nhiều nguồn cán bộ để xem xét đưa vào quy hoạch. Công tác quy hoạch từng bước khắc phục được tình trạng bị động, hụt hẫng trong công tác cán bộ, góp phần chuẩn bị tốt nhân sự Đại hội Đảng bộ và nhân sự chủ chốt Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong tỉnh.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được các cấp ủy quan tâm đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa cán bộ phục vụ cho trước mắt và lâu dài, chú trọng đào tạo cán bộ trong diện quy hoạch. Tỉnh ban hành một số chính sách về đào tạo cán bộ sau đại học, chính sách đào tạo nguồn cán bộ dân tộc; xây dựng thực hiện Đề án đào tạo cán bộ dự nguồn theo địa chỉ xã, phường, thị trấn, đã đào tạo 475 đồng chí, gồm cao đẳng phát triển nông thôn, trung cấp pháp lý...; mở lớp cao cấp lý luận chính trị dành riêng cho cán bộ Khmer. Coi trọng việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị xã. Bên cạnh, tỉnh đã phối hợp với các học viện, các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp của Trung ương, thành phố Hồ Chí Minh và khu vực tổ chức nhiều lớp đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, chuyên môn, nghiệp vụ tại tỉnh; thực hiện tốt chủ trương đào tạo cán bộ theo địa chỉ, cơ bản chuẩn hóa đội ngũ cán bộ cơ sở.

Ngày 28/9/2006, Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định số 1558/QĐ-UBND phê duyệt *Đề án đào tạo ở nước ngoài nguồn nhân lực có trình độ sau Đại học cho tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2006 - 2011* (Đề án 100). Theo Đề án, từ năm 2006 đến hết năm 2011 và kéo dài đến 3 năm sau đối với các đối tượng đi học trong năm 2011. Tỉnh tuyển chọn đưa 100 người đi đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài, tổng kinh phí 4.805.100 USD, với 7 nhóm ngành đào tạo¹⁷⁹. Từ năm 2006 đến năm 2010, đã đưa 58 cán bộ đi học ở nước ngoài theo Đề án.

Trong 10 năm, đã đào tạo, bồi dưỡng 114.230 lượt cán bộ; trong đó đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý là 3.743 đồng chí¹⁸⁰. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ và phục vụ cho công tác quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ. Trong giai đoạn này, cán bộ lãnh đạo, quản lý (từ trường phòng trở lên) ở cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có trình độ chuyên môn đại học, sau đại học ở cấp tỉnh chiếm 74,54% và cấp huyện, thị chiếm 37,42%, trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân cấp tỉnh chiếm 60,30% và huyện, thị chiếm 42,25%.

Thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác luân chuyển cán bộ, đã luân chuyển tổng số 197 cán bộ¹⁸¹ và thực hiện chủ trương đưa người có bằng đại học về tăng cường cho các xã, phường, thị trấn. Với kết quả luân chuyển cán bộ, có 71,43% cán bộ lãnh đạo giữ các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ

¹⁷⁹ Gồm: Nhóm ngành khoa học - kỹ thuật - công nghệ. Nhóm ngành khoa học tự nhiên, công nghệ sinh học, công nghệ hoá học, công nghệ vật liệu. Nhóm ngành nông - lâm - thủy sản, chế biến. Nhóm ngành xây dựng, giao thông, cấp thoát nước. Nhóm ngành kinh tế, quản lý. Nhóm ngành kiến trúc, quy hoạch và quản lý đô thị, cảnh quan môi trường. Nhóm ngành khoa học xã hội - nhân văn.

¹⁸⁰ Có 14 người sau đại học (tiến sĩ 02, thạc sĩ 12); đại học chuyên môn 89; đại học chính trị 228, cao cấp lý luận chính trị 752, trung cấp chính trị 384 đồng chí; bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý nhà nước, các chuyên đề khác 2.287 đồng chí.

¹⁸¹ Luân chuyển từ tỉnh xuống huyện, thị xã 08 đồng chí; từ huyện, thị xã lên tỉnh 22 đồng chí; từ sở, ngành này sang sở, ngành khác 11 đồng chí; từ xã, phường, thị trấn lên huyện, thị xã 46 đồng chí; từ cơ quan quản lý nhà nước sang cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể 32 đồng chí; từ cơ quan Đảng, đoàn thể sang cơ quan nhà nước 28 đồng chí.

tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và 56,86% cán bộ lãnh đạo giữ các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã đã kinh nghiệm qua các chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp dưới; nhiều đồng chí tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị ở cơ sở.

Có nhiều cố gắng trong thực hiện chính sách cho cán bộ, đề nghị, công nhận và từng bước giải quyết chính sách cơ bản đối với cán bộ tham gia chiến trường B, C, K; cán bộ tiền khởi nghĩa; lập và sưu tầm hồ sơ cán bộ đề nghị tặng thưởng và truy tặng huân chương bậc cao cho 302 đồng chí. Kịp thời xét tặng Huy hiệu Đảng từ 30 năm đến 70 năm cho 1.742 đảng viên đủ tiêu chuẩn. Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp và tương đương; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định tạm thời số 222-QĐ/TU về *giải quyết cho cán bộ xã, phường, thị trấn không đủ chuẩn nghi việc được hưởng trợ cấp 1 lần*. Tuy ngân sách còn khó khăn, nhưng tỉnh đã đầu tư xây dựng nhà công vụ cho cán bộ thuộc diện luân chuyển về tỉnh; ban hành các quy định cụ thể về thực hiện chính sách khám và điều trị bệnh, chế độ chi thăm bệnh, phúng viếng và tổ chức lễ tang cán bộ thuộc diện quản lý; cho chủ trương vận động hỗ trợ vốn giúp đảng viên gặp khó khăn về đời sống... Chính sách cán bộ đã góp phần khuyến khích, động viên cán bộ tích cực công tác, đặc biệt là cán bộ, đảng viên có quá trình cống hiến, người có công với cách mạng, cán bộ lão thành cách mạng.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ ngày càng đi vào chiều sâu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; kịp thời rà soát, thẩm tra xác minh, kết luận về chính trị các trường hợp phục vụ công tác quy hoạch, đào tạo, đề bạt cán bộ và kết nạp đảng.

Ngày 15/10/2002, Bộ Chính trị có Quyết định điều động đồng chí Sơn Song Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc¹⁸².

¹⁸² Quyết định số 4720-QĐNS/TW ngày 15/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Tháng 10/2004, Ban Bí thư ban hành Quyết định điều động đồng chí Trần Văn Vẹn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tại Tổng Công ty Lương thực miền Nam, để bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Ngày 06/11/2008, Ban Bí thư ban hành Quyết định chuẩn y đồng chí Trần Trí Dũng giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy¹⁸³.

Ngày 02/6/2010, Bộ Chính trị có Quyết định số 1655-QĐNS/TW điều động đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy về Bộ Nội vụ tham gia Ban cán sự Đảng Bộ Nội vụ và giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ kiêm Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ¹⁸⁴

Tháng 8/2010, Ban Bí thư ban hành Quyết định phân công đồng chí Trần Trí Dũng giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy.

Các cấp ủy và tổ chức Đảng lãnh đạo thực hiện tốt chức năng công tác kiểm tra, giám sát theo điều 30 Điều lệ Đảng, Quyết định số 25-QĐ/TW ngày 24/11/2006 của Bộ Chính trị. Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc đề ra chương trình công tác kiểm tra, giám sát. Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ, thường xuyên và chuyên đề; các cuộc kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm theo yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Từng cuộc kiểm tra, giám sát có kế hoạch và thành lập đoàn, sau khi kết thúc kiểm tra, giám sát có báo cáo kết luận của đoàn kiểm tra và báo cáo kết luận của Ban Thường vụ cấp ủy. Nội dung kiểm tra, giám sát chủ yếu: Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; thu - chi ngân sách; quản lý và sử dụng đất đai; những điều đảng viên không được làm; kiểm tra theo Kế hoạch 01 và Kế hoạch 02 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; kiểm tra công tác lãnh đạo thực hiện giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân. Các cơ quan tham mưu của cấp ủy làm tốt công tác phối hợp, tham mưu giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám

¹⁸³ Quyết định số 1026-QĐNS/TW ngày 06/11/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc chuẩn y Phó Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh khoá VIII phụ trách công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng nhiệm kỳ 2005 - 2010.

¹⁸⁴ Được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Nội vụ kiêm Trưởng Ban Tôn giáo Chính phủ (theo Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 30/6/2010).

sát, đồng thời các cơ quan cũng thường xuyên kiểm tra, giám sát hướng dẫn các tổ chức Đảng cấp dưới trong việc thực hiện nhiệm vụ theo lĩnh vực phụ trách, kết quả kiểm tra, giám sát có đề xuất Ban Thường vụ cấp ủy về biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo thời gian tới.

Thực hiện nghiêm quy trình, thủ tục xử lý kỷ luật đảng viên và tổ chức Đảng theo Quyết định số 25-QĐ/TW ngày 24/11/2006 của Bộ Chính trị. Từ năm 2006 -2010, đã xử lý kỷ luật 866 đảng viên¹⁸⁵. Việc xử lý kỷ luật đảng viên đảm bảo đúng nội dung vi phạm, đúng thẩm quyền. Chỉ đạo giải quyết cơ bản các trường hợp khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ, đảng viên, góp phần ổn định tình hình nội bộ ở địa phương, đơn vị. Thực hiện công tác giám sát trên tinh thần ngăn ngừa vi phạm, kịp thời uốn nắn những hạn chế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giúp tổ chức đảng và đảng viên nhận thức và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Quan tâm chỉ đạo công tác dân vận, giữ vững định kỳ làm việc với Ban Dân vận, Mặt trận, đoàn thể; tổ chức bộ máy Mặt trận, đoàn thể được củng cố và tăng cường; nội dung, phương thức hoạt động không ngừng đổi mới, chỉ đạo giải quyết nhiều chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của Nhân dân như: Đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, từ đó phát động phong trào thi đua lao động sản xuất làm cho đời sống của Nhân dân ngày càng được nâng lên, Nhân dân tin tưởng hơn vào đường lối đổi mới và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Việc triển khai xây dựng, thực hiện công tác dân vận đã có tác dụng tích cực trong việc động viên Nhân dân phát huy quyền làm chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ, công chức, qua đó tăng cường mối quan hệ giữa chính quyền với Nhân dân; thể chế hóa Chỉ thị 18-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về "Tăng cường công tác dân vận" bằng những chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng cơ bản đạt hiệu quả tốt. Công tác dân vận của các lực lượng vũ trang đã tạo thêm mối quan hệ gắn bó truyền thống giữa quân

¹⁸⁵ Bằng các hình thức: Khiển trách 277 trường hợp, cảnh cáo 288 trường hợp, cách chức 96 trường hợp, khai trừ khỏi Đảng 205 trường hợp

với dân trong việc vận động Nhân dân thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, các chủ trương của địa phương, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Các đội công tác của Quân khu 9 tăng cường về cơ sở đã tích cực tham gia các hoạt động ở địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tạo sự gắn bó mật thiết giữa đội công tác với Đảng bộ và Nhân dân ở địa phương.

Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương, Bộ Chính trị phù hợp với tình hình địa phương. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ sinh hoạt của cấp ủy, Thường vụ cấp ủy, Thường trực cấp ủy. Xây dựng tốt tinh thần đoàn kết trong nội bộ Thường vụ cấp ủy, cấp ủy, đoàn kết toàn Đảng, toàn dân. Phát huy tốt vai trò của các tổ chức Đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan Nhà nước. Quá trình lãnh đạo có chú trọng kiểm tra, giám sát, sơ, tổng kết rút kinh nghiệm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng trên một số lĩnh vực có mặt còn hạn chế như: Công tác dự báo, nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội ở vùng có đông dân tộc, tôn giáo chưa kịp thời, một số trường hợp lúng túng trong xử lý. Triển khai quán triệt và sơ, tổng kết một số nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh còn chậm; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh chuyển biến chưa đều, chưa thường xuyên. Một số cán bộ, đảng viên thiếu tu dưỡng, rèn luyện, sa sút đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật kém, đảng viên vi phạm bị thi hành kỷ luật tăng. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, đảng viên ở một số xã, phường, cơ quan, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp còn hạn chế. Công tác tự phê bình và phê bình, đấu tranh xây dựng nội bộ có nơi thiếu thẳng thắn, còn có hiện tượng né nang, né tránh khuyết điểm. Công tác quy hoạch, đào tạo, đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ còn một số mặt yếu kém; trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tuy có nâng lên nhưng chưa theo kịp yêu cầu; cán bộ nữ, trẻ, dân tộc, khoa học - kỹ thuật vẫn còn hụt hẫng. Một số cấp ủy, tổ chức Đảng chậm đổi mới phương thức hoạt động, chưa bám sát quy chế làm việc. Ban hành nhiều văn bản, chủ trương cụ thể,

nhưng kiểm tra đôn đốc việc tổ chức thực hiện thiếu sâu sát, tình trạng nói nhiều làm ít, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm... khắc phục chưa tốt.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/02/1998 "Về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở", tỉnh tập trung triển khai thực hiện Pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 469-CV/TU ngày 01/9/2003 "Uốn nắn việc tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII)" nhằm đánh giá xác đúng việc thực hiện Chỉ thị 30 thời gian qua, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp thích hợp để tăng cường sự lãnh đạo của các cấp trong thực hiện Chỉ thị 30 đạt hiệu quả.

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở xã, phường, thị trấn từng bước đi vào nền nếp, tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, Nhân dân được tạo điều kiện tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội và đóng góp nhiều công sức vào việc củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương; mỗi ấp, khóm từng bước hình thành nhiều cụm dân cư tự quản, Nhân dân cùng bàn bạc, quyết định những công việc hàng ngày của cộng đồng theo quy ước ấp, khóm văn hóa, góp phần tăng cường tình đoàn kết, phát huy dân chủ trong việc lựa chọn, giới thiệu bầu trưởng ban nhân dân, tổ trưởng tổ dân phố, thanh tra nhân dân...

Các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và chi bộ ngày càng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đưa vào nội dung sinh hoạt đảng; cán bộ, đảng viên xác định được vai trò, trách nhiệm, gương mẫu trong thực hiện Quy chế dân chủ. Hội đồng nhân dân các cấp phát huy tốt vai trò, trách nhiệm qua việc định kỳ tiếp xúc, giải thích những thắc mắc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri. Chính quyền các cấp từng bước đổi mới công tác quản lý, điều hành, tăng cường thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế "Một cửa", "Một cửa liên thông", rút ngắn thời gian và đáp ứng kịp thời nhu cầu của Nhân dân; công tác tiếp dân, nhận và giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân được các cấp chính quyền quan tâm; lễ lối làm việc, thái độ phục vụ, tinh thần trách nhiệm, tác phong giao tiếp của cán bộ đối với Nhân dân có đổi mới

theo hướng “*Gần dân, trọng dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”. Vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được nâng lên, phát huy chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu, gương mẫu thực hiện và thường xuyên chỉ đạo, lãnh đạo kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức; quan tâm tổ chức thực hiện công tác dân vận chính quyền theo Chỉ thị 18/2000/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân phát huy quyền làm chủ; quan tâm sắp xếp bộ máy, nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở theo Nghị định 71/1998/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có chuyển biến về phong cách làm việc gần dân, sát dân, tiếp thu ý kiến của dân, hạn chế tệ quan liêu hách dịch, cửa quyền, độc đoán, góp phần cải cách hành chính, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện tốt quy chế, đổi mới lề lối, phương pháp làm việc; nâng cao tinh thần trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức; phát huy được trí tuệ tập thể, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia đóng góp ý kiến việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, tích cực nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng chuyên môn. Chỉ đạo định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Chỉ thị 30 theo nghị quyết hàng năm đã đề ra, khắc phục những hạn chế trong chuyên môn, nghiệp vụ; các phòng ban của cơ quan, đơn vị có cụ thể hóa việc thực hiện Quy chế dân chủ sát với nhiệm vụ chuyên môn.

Tuy nhiên, quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực, nhất là làm chủ về kinh tế còn hạn chế. Không ít cán bộ, công chức chưa thật sự coi trọng sức dân, chưa quan tâm xây dựng và tạo ra phong cách mới theo tinh thần “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”. Có những vấn đề khó khăn bức xúc của nhân dân giải quyết không kịp thời.

Ngày 19/5/2002, Trà Vinh cùng cả nước tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI. Tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu đạt 99,89%. Kết quả có 07 ứng cử viên trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XI, gồm: Sơn Cang;

Nguyễn Thị Khá; Trương Thị Mai; Nguyễn Minh Chữ; Sơn Thị Ánh Hồng; Nguyễn Thái Bình; Dương Kim Anh.

Tiếp đến, ngày 20/5/2007, Trà Vinh cùng cả nước tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII; tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,79%. Tại đơn vị tỉnh Trà Vinh có 06 đại biểu trúng cử, đó là: Nguyễn Thái Bình, Dương Kim Anh, Nguyễn Thị Khá, Huỳnh Phước Long, Sơn Tâm và Thạch Thị Dân.

Đoàn đại biểu Quốc hội khoá XI và khoá XII đơn vị tỉnh Trà Vinh đã thực hiện tốt vai trò người đại biểu nhân dân. Tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri định kỳ tại các xã, phường, thị trấn và tiếp xúc chuyên đề theo đối tượng và nội dung. Tổng hợp kiến nghị đến cơ quan Trung ương và địa phương, chuyển ý kiến trả lời của các cơ quan đến công dân và cử tri. Tổ chức nghiên cứu, lấy ý kiến và xây dựng các báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý luật, gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định để hoàn chỉnh dự thảo luật, trình Quốc hội xem xét thông qua; nhiều nội dung báo cáo và thảo luận của Đoàn được cơ quan soạn thảo, cơ quan thẩm tra tiếp thu và chỉnh lý. Tổ chức khảo sát và giám sát chuyên đề theo kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch công tác của đoàn đại biểu, qua đó, đã đánh giá tình hình, xác định những tích cực, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp, kiến nghị các cơ quan chức năng, góp phần nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành của Nhà nước, của cơ quan chịu sự giám sát; góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu quả các lĩnh vực, chuyên đề giám sát. Thực hiện tiếp công dân định kỳ và thường xuyên; tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản chuyển đơn khiếu nại, tố cáo hợp lệ đến cơ quan chức năng. Đồng thời, tuyên truyền, giải thích pháp luật cho công dân theo quy định của pháp luật. Tham gia đầy đủ tại các kỳ họp Quốc hội, tích cực nghiên cứu, thảo luận nhiều nội dung, có chất lượng trên các lĩnh vực chính, như: Thảo luận các dự án luật; về tình hình kinh tế - xã hội; ngân sách nhà nước; các chương trình, dự án quan trọng quốc gia; thảo luận các báo cáo giám sát tối cao của Quốc hội; chất vấn Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ và các vấn đề quan trọng khác. Hoạt động của đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Trà Vinh được Nhân dân và cử tri trong tỉnh quan tâm theo dõi và đánh giá cao.

Ngày 25/4/2004, tỉnh Trà Vinh tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp, nhiệm kỳ 2004 - 2009 đảm bảo dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,84%. Số đại biểu trúng cử Hội đồng nhân dân tỉnh là 50 (đại biểu nữ 07, chiếm tỷ lệ 14%; đại biểu dân tộc 16, chiếm tỷ lệ 32%).

Ngày 24/5/2004, trong phiên họp lần thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa VI tiếp tục được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII.

Trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII, thực hiện Nghị quyết số 25/2008/QH12 ngày 11/11/2008 của Quốc hội khoá XII “về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp”, theo đó, nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, kéo dài cho đến kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp khóa sau vào năm 2011.

Trong nhiệm kỳ, nhân sự chủ chốt của Hội đồng nhân dân tỉnh có một số thay đổi:

+ Trong cuộc họp ngày 16/8/2007, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đồng chí Huỳnh Phước Long¹⁸⁶ và bầu đồng chí Sơn Minh Thắng, Trưởng ban Dân tộc tỉnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 15/9/2010, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đồng chí Nguyễn Thái Bình và bầu đồng chí Dương Hoàng Nghĩa, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong nhiệm kỳ 2004 - 2011, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện 28 đợt tiếp xúc cử tri, với 2.053 cuộc, có trên 168 ngàn lượt cử tri tham dự, đóng góp trên 20 ngàn lượt ý kiến, kiến nghị với Đảng, Nhà nước và

¹⁸⁶ Được điều động về Trung ương làm nhiệm vụ Quốc hội chuyên trách, được phân công giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội.

chính quyền các cấp; phần lớn ý kiến, kiến nghị của cử tri đã được đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các ngành hữu quan giải trình tại chỗ, những ý kiến còn lại được tổng hợp theo thẩm quyền từng cấp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh và chuyển đến Ủy ban nhân dân để giải trình, trả lời. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức 26 kỳ họp (14 họp thường lệ và 12 kỳ họp bất thường và chuyên đề), công tác chuẩn bị cho kỳ họp không ngừng được cải tiến, khoa học, hiệu quả; việc điều hành và diễn biến của các kỳ họp đảm bảo thời gian, đúng trình tự, thủ tục luật định, chất lượng và đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng.

Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII đã có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, thực hiện ngày càng tốt hơn các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo luật định. Việc quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương đi vào thực chất, bao quát và sát hợp với tình hình thực tế. Tại các kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã phát huy trí tuệ của tập thể, dành thời gian cho đại biểu tham gia thảo luận những vấn đề trọng tâm, bức xúc, vấn đề có nhiều ý kiến khác nhau nhằm làm rõ. Từ đó, các nghị quyết được thông qua có sự thống nhất, sát thực tế và khả thi cao, đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của cử tri, được các ngành, các cấp và Nhân dân tích cực thực hiện. Bên cạnh, những vấn đề về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết định nhiều vấn đề cử tri và Nhân dân đặc biệt quan tâm như: Phát triển kinh tế trang trại, xoá đói, giảm nghèo, quy hoạch sử dụng đất, phát triển giao thông... góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Công tác giám sát được thực hiện thường xuyên với nhiều chuyển biến tích cực, có trọng tâm, trọng điểm, nội dung và phương thức giám sát có nhiều cải tiến, đã kịp thời phát hiện những hạn chế, thiếu sót, bất cập và đưa ra các kiến nghị khả thi góp phần tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn cho cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp. Thông qua công tác giám sát, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện vai trò điều hoà, phối hợp, tránh chông chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng và thời gian giám sát. Nội dung giám sát phù hợp với thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 217 nghị quyết, trong đó có 182 nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, chuyên đề, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính; 35 nghị quyết về nhân sự và tổ chức, bộ máy. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thể chế hoá nghị quyết, văn bản của Đảng, Nhà nước cấp trên, bám sát tình hình thực tế ở địa phương. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được tuyên truyền, phổ biến đến cử tri... được Ủy ban nhân dân, các ngành, các cấp cụ thể hoá, triển khai kịp thời, sâu rộng và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả.

Ngày 24/5/2004, trong phiên họp lần thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu các chức danh chủ chốt của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Trần Văn Vẹn được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí: Trần Hoàn Kim, Trần Khiếu và Sơn Thị Ánh Hồng được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhân sự chủ chốt của Ủy ban nhân dân tỉnh có sự thay đổi. Cụ thể:

+ Trong cuộc họp ngày 16/12/2004, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Trần Văn Vẹn và bầu đồng chí Trần Hoàn Kim giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 15/3/2007, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Nguyễn Văn Phong, Giám đốc sở Xây dựng giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 18/8/2007, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Nguyễn Thị Khá.

+ Trong cuộc họp ngày 24/11/2010, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Tống Minh Viễn, Trưởng ban quản lý Khu kinh tế tỉnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ, đã đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả; tập trung vào việc cải tiến nội dung và hình thức giao kế hoạch, chú trọng các giải pháp

thực hiện, tăng cường phân cấp, gắn với việc nâng cao trách nhiệm của các huyện, thị xã, cơ sở. Công tác kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện được tăng cường, nhất là trong lĩnh vực quản lý ngân sách; đầu tư xây dựng cơ bản, tổ chức cán bộ nhằm phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót trong quản lý, phòng ngừa tham nhũng tiêu cực; tăng cường các biện pháp xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở theo Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX); thường xuyên chỉ đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

Ngày 24/3/2008, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 21-CTr/TU "Thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) "Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước". Với mục tiêu: Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan Nhà nước, xây dựng nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực, nhất là tinh khách quan, công tâm, nhiệt tình trong thực thi công vụ, hệ thống các cơ quan Nhà nước hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, công tác cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo và đạt được những kết quả tích cực.

Về cải cách thể chế, thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước, đến năm 2010, toàn tỉnh đã có 18/18 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 8/8 huyện, thị xã, 104 xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa. Riêng cơ chế một cửa liên thông triển khai thực hiện trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, khắc dấu, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất.

Về tổ chức, bộ máy cấp tỉnh và cấp huyện, thị xã được củng cố, sắp xếp phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện của tỉnh. Trên cơ

sở Đề án sắp xếp tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế tỉnh Trà Vinh được Trung ương phê duyệt (ngày 09/8/2000), tỉnh đã tiến hành sắp xếp tổ chức, bộ máy và tinh giản biên chế từ 27 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh còn 21 cơ quan¹⁸⁷; cấp huyện từ 14 - 15 phòng còn 11 phòng¹⁸⁸. Qua đó, các phòng chuyên môn thuộc sở, ngành tỉnh trước đây là 115 nay còn 90, giảm 25 phòng. Chức năng, nhiệm vụ của từng ngành được làm rõ theo nguyên tắc một lĩnh vực quản lý nhà nước phải giao cho một cơ quan chuyên môn, đồng thời, thực hiện việc phân cấp quản lý cho phù hợp với một số đơn vị sự nghiệp. Thực hiện việc giảm biên chế khối cơ quan quản lý nhà nước 121 người, đạt 8% và tiếp tục thực hiện giảm 7% còn lại vào các năm tiếp theo.

Ngày 11/7/2003, thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, trên cơ sở hợp nhất Sở Địa chính và các tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); về tài nguyên khoáng sản (Sở Công nghiệp); bộ phận môi trường (Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường). Đồng thời, đổi tên Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường thành Sở Khoa học và Công nghệ.

¹⁸⁷ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, gồm 21 cơ quan: 1. Văn phòng HĐND và UBND; 2. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em; 3. Sở Địa chính; 4. Sở Thương mại - Du lịch; 5. Sở Y tế; 6. Ban Tổ chức chính quyền tỉnh; 7. Sở Thể dục - Thể thao; 8. Sở Giáo dục - Đào tạo; 9. Sở Công nghiệp; 10. Sở Xây dựng; 11. Sở Kế hoạch - Đầu tư; 12. Sở Văn hoá - Thông tin; 13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 14. Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường; 15. Sở Tài chính - Vật giá; 16. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 17. Sở Tư pháp; 18. Sở Thủy sản; 19. Sở Giao thông - Vận tải; 20. Thanh tra tỉnh; 21. Ban Dân tộc tỉnh.

¹⁸⁸ Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, gồm 10 cơ quan: 1. Văn phòng HĐND và UBND; 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch; 3. Phòng Giao thông - Công nghiệp và Xây dựng; 4. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em; 5. Phòng Tổ chức - Lao động; 6. Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao; 7. Phòng Giáo dục và Đào tạo; 8. Phòng Tư pháp; 9. Thanh tra; 10. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

* Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã Trà Vinh: 1. Văn phòng HĐND và UBND; 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch; 3. Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em; 4. Phòng Tổ chức - Lao động; 5. Phòng Văn hoá - Thông tin - Thể thao; 6. Phòng Giáo dục - Đào tạo; 7. Phòng Tư pháp; 8. Thanh tra; 9. Phòng Quản lý đô thị (gồm công tác địa chính, giao thông, xây dựng, khoa học - công nghệ - môi trường); 10. phòng kinh tế kỹ thuật (bao gồm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản và kinh tế hợp tác tổng hợp).

Ngày 05/5/2005, thành lập Sở Bưu chính - Viễn Thông. Sở Bưu Chính - Viễn thông là cơ quan quản lý Nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Báo chí, xuất bản, bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

Đến năm 2008, thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP, ngày 04/02/2008 của Chính phủ *"Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương"* và Nghị định số 14/2008-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ *"Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh"*, tỉnh tiếp tục sắp xếp lại tổ chức bộ máy còn 18 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁰⁹ và 12 phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Sau sắp xếp, các cơ quan, đơn vị hoạt động ổn định, hiệu quả, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan chuyên môn.

Về cải cách hành chính công, đã có 8/8 huyện, thị xã và 18/18 sở, ngành tỉnh thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NQ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về *tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan quản lý nhà nước*; 94/154 đơn vị thực hiện Nghị định số 43/2006/NQ-CP ngày 15/4/2006 của Chính phủ về *quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*.

Về hiện đại hoá nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại thị xã Trà Vinh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thiết lập Cổng thông tin trực tuyến để mọi người có nhu cầu lập thủ tục đăng ký tại trang thông tin điện tử một cửa của tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường đã đăng tải các quy định, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, phí và lệ phí qua Cổng thông tin điện tử. Có 31 cơ quan, đơn vị triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2000 trong quản lý hành chính, trong đó có 16 cơ quan đã được đánh giá cấp giấy chứng nhận.

¹⁰⁹ Sáp nhập Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Thủy sản thành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sáp nhập Sở Thương mại - Du lịch và Sở Công nghiệp thành Sở Công Thương; giải thể Sở Thể dục - Thể thao; giải thể Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em.

Công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã góp phần vào chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh trong giai đoạn này có thứ hạng khá cao trên toàn quốc. Năm 2006 xếp hạng 16 toàn quốc; năm 2007 hạng 28; năm 2008 hạng 25; năm 2009 hạng 28; đặc biệt năm 2010 xếp hạng 4.

Công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Đã có gần 10.000 lượt cán bộ, công chức được học chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Công tác quản lý, tuyển dụng, thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, quy định.

Tuy nhiên, công tác cải cách hành chính có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, chưa gắn với xây dựng hệ thống chính trị; năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước còn nhiều mặt hạn chế; một số nơi thực hiện quy chế dân chủ chưa nghiêm.

Ngày 13/4/2007, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 08-CTr/TU về *"Thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*. Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp được kiện toàn; hoàn thành việc tăng thẩm quyền xét xử cho Toà án nhân dân cấp huyện theo kế hoạch, bước đầu đạt hiệu quả. Tỷ lệ án xét xử hàng năm các vụ án hình sự, dân sự đều đạt tỷ lệ cao; tỷ lệ kháng cáo giảm dần qua các năm. Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân chiếm tỷ lệ thấp. Tỷ lệ thi hành án tăng dần từng năm, nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài trước năm 2001 được giải quyết dứt điểm. Công tác hỗ trợ tư pháp được chú trọng, tăng cường. Các hoạt động công chứng, chứng thực, hộ tịch, bản đầu giá tài sản đã giải quyết kịp thời theo yêu cầu của tổ chức và công dân.

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai với nhiều hình thức phong phú; ý thức chấp hành pháp luật, kỷ cương trong đời sống xã hội được nâng lên. Hoạt động trợ giúp pháp lý bước đầu đã phát huy tác dụng, nhất là đối với các đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc Khmer.

Thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW ngày 03/6/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *"về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải*

quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay”, Kết luận 130-TB/TW ngày 10/01/2008 của Bộ Chính trị về *“Tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2006 đến nay và giải pháp trong thời gian tới”*. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo¹⁹⁰; vừa làm cơ sở pháp lý để đưa công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt chất lượng, hiệu quả, phát huy dân chủ, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, của cơ quan, tổ chức; vừa giúp các cấp, các ngành nhận thức đầy đủ hơn về trách nhiệm của mình trong giải quyết khiếu nại, tố cáo. Từ đó, công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân từng bước đi vào nền nếp, đúng pháp luật. Tỷ lệ và chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo ở các cấp được nâng lên. Các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài được rà soát, tập trung giải quyết theo hướng tăng cường đối thoại với Nhân dân; giải quyết kịp thời những vụ khiếu kiện đồng người, không để phát sinh điểm nóng.

Công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tập trung chỉ đạo, gắn với cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* được thực hiện ở từng cơ quan, đơn vị, trong đó vai trò, trách nhiệm người đứng đầu ở từng cơ quan, đơn vị được chú trọng.

Tuy vậy, một số cấp ủy, chính quyền từng lúc từng nơi thiếu sự quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác cải cách tư pháp. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác cải cách tư pháp có lúc chưa đồng bộ. Giải quyết khiếu kiện của công dân chưa kịp thời; xuất hiện tình hình công nhân đình công ở một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gây tác động đến trật tự an toàn xã hội và ảnh hưởng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã tập trung xây dựng và triển khai thực hiện nhiều chương trình, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và gửi đến cơ sở, tham gia tích cực Cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, gắn với các phong

¹⁹⁰ Chỉ thị số 03-CT/TU, ngày 24/6/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“về việc thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 06/3/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng”*.

trào thi đua yêu nước, phong trào hành động cách mạng trong các cấp hội, hội viên và các tầng lớp nhân dân, tôn vinh những gương điển hình trong học tập, làm theo Bác. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quan tâm đến việc triển khai, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển và nhân rộng các mô hình tập hợp đoàn viên, hội viên.

Ngày 29 và 30/7/2004, Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VI nhiệm kỳ 2004 - 2009. Triển khai Nghị quyết Đại hội, Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp cùng các tổ chức thành viên đã có nhiều hình thức tập hợp Nhân dân vào các tổ chức đoàn thể xã hội, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mỗi năm có trên 1 triệu lượt cán bộ và Nhân dân tham dự các buổi tuyên truyền. Đặc biệt là quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 (khoá IX) về *"Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"*, *"Về công tác dân tộc"*, *"Về công tác tôn giáo"*, *"Lịch sử vùng đất Nam Bộ của Việt Nam"* và Cuộc vận động *"Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh"*... Qua triển khai, đã làm cho Nhân dân, chức sắc, tín đồ các tôn giáo, đồng bào các dân tộc nhận thức rõ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, dân tộc và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện tốt cuộc vận động.

Mặt trận Tổ quốc các cấp luôn đổi mới và đa dạng hoá các hình thức tập hợp, phát huy vai trò của các cá nhân tiêu biểu trong các chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc, thu hút ngày càng nhiều các nhân sĩ trí thức, cán bộ hưu trí, các chuyên gia... tham gia tư vấn, phản biện, góp ý giúp Mặt trận thực hiện công tác có chất lượng và hiệu quả, phạm vi hoạt động của Mặt trận các cấp được mở rộng và nâng cao. Phát động các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động như: Cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* và các phong trào thi đua *"Toàn dân tham gia phát triển kinh tế"*; *"xóa đói, giảm nghèo"*; *"Đền ơn đáp nghĩa"*; từ thiện xã hội, vận động cứu trợ đồng bào trong và ngoài tỉnh bị thiên tai, hỏa hoạn; vận động *"Ngày vì người nghèo"*; phòng chống tội phạm, mại dâm, ma túy, tệ nạn xã hội, Các phong trào, các cuộc vận động được các cấp, các ngành và các

tầng lớp nhân dân trong tinh đồng tình hưởng ứng. Mặt trận đã phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; chủ động phối hợp với chính quyền tăng cường thực hiện quy chế dân chủ đến từng khu dân cư, từng hộ gia đình theo phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”, góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân, làm cho mọi người tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân, đồng thời làm cho cán bộ, đảng viên ý thức được trách nhiệm là công bộc phục vụ Nhân dân với tinh thần “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”.

Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức Đại hội lần thứ VII nhiệm kỳ 2003 - 2008 và Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2008 - 2013¹⁹¹. Sau Đại hội, Liên đoàn Lao động tỉnh chỉ đạo công đoàn các cấp tập trung vận động, đào tạo, bồi dưỡng để từng bước nâng cao trình độ và kiến thức mọi mặt cho công nhân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công tác tuyên truyền, giáo dục thường xuyên được đổi mới với nhiều hình thức phong phú, đa dạng (hơn 70 ngàn cuộc, góp phần nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước trong công nhân, viên chức, người lao động. Các cấp công đoàn ngày càng phát huy tốt hơn vai trò tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, giải quyết việc làm, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Công tác chăm lo đời sống, cải thiện thu nhập, phát triển kinh tế gia đình cho công nhân, viên chức, lao động luôn được các cấp công đoàn quan tâm thông qua việc hỗ trợ vốn vay từ các nguồn quỹ để giải quyết việc làm, xây dựng và duy trì quỹ hỗ trợ vốn giúp nhau làm kinh tế gia đình, tín chấp cho công nhân viên chức, lao động được 57 dự án với tổng số tiền trên 3.327 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 1.700 lao động thuộc 719 hộ gia đình; xây dựng quỹ hỗ trợ vốn luân chuyển hàng năm trên 3 tỷ đồng, tín chấp cho công nhân viên chức, lao động vay vốn từ các ngân hàng trên 300 tỷ đồng. Phong trào thi đua trong công nhân viên chức, lao động như: “*Lao động giỏi*

¹⁹¹ Đại hội lần thứ VII vào ngày 03 và 04/7/2003, Đại hội lần thứ VIII vào các ngày 17, 18 và 19/6/2008.

với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”; “Lao động sáng tạo”; “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”; gắn liền với phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” trong nữ công nhân viên chức, lao động... hàng năm thu hút trên 15.000 công nhân viên chức, lao động đăng ký thi đua với các danh hiệu, có 70 - 75% số công nhân, viên chức, lao động đạt các danh hiệu thi đua; đã có hàng trăm sáng kiến cải tiến kỹ thuật với trên 80 công trình, sản phẩm có chất lượng mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, đời sống, đã tiết kiệm và làm lợi cho Nhà nước, doanh nghiệp hơn 10 tỷ đồng.

Hội Nông dân tỉnh Trà Vinh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ V, nhiệm kỳ 2003 - 2008 và Đại hội lần thứ VI, nhiệm kỳ 2008 - 2013¹⁹² Thực hiện nghị quyết Đại hội, hoạt động của Hội Nông dân tập trung vào việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chương trình công tác của Hội cho cán bộ, hội viên; phối hợp mở các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến ngư; các lớp đào tạo ngắn hạn; tổ chức tư vấn pháp lý; phối hợp với chính quyền giải quyết đơn thư khiếu nại của nông dân. Tổ chức vận động hội viên và nông dân tham gia đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, giảm nghèo, ổn định và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên; đặc biệt là các phong trào thi đua như: Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng” là một trong những phong trào trọng điểm tiếp tục được các cấp hội tập trung chỉ đạo. Phong trào đã động viên được nhiều hội viên nông dân tham gia và đạt kết quả tốt, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Các chương trình, dự án giúp đỡ và hướng dẫn nông dân làm giàu tích cực được triển khai tích cực, đã giúp nông dân từng bước khai thác các tiềm năng đất đai, tiếp cận thị trường, khắc phục hậu quả thiên tai, kịp thời chuyển dịch kinh tế, đưa sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn không ngừng phát triển, hình thành nhiều vùng chuyên canh trọng điểm (tôm - lúa - cá - cây ăn quả...) có nhiều mô hình trên 50 triệu/ha. Các hoạt động xã hội được

¹⁹² Đại hội lần thứ V vào ngày 07 và 08/7/2003 và Đại hội lần thứ VI vào ngày 10 và 11/7/2008.

các hội viên tham gia, hưởng ứng tích cực. Đến năm 2008, toàn tỉnh có 104.098¹⁹³ hội viên, đạt 76,5% so với tổng số nông dân của tỉnh.

Đoàn Thanh niên tỉnh tổ chức Đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 2002 - 2007 và Đại hội đại biểu lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2007 - 2012¹⁹⁴. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, pháp luật, đạo đức lối sống cho đoàn viên, thanh niên có nhiều đổi mới và đi vào chiều sâu. Các cấp đoàn trong tỉnh triển khai thực hiện phong trào "*Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*" trở thành phong trào hành động cách mạng sâu rộng, khẳng định vai trò, vị trí của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phong trào "*Thi đua học tập, tiến quân vào khoa học, công nghệ*", thanh niên nông thôn đẩy mạnh việc tham gia chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển được 215 trang trại tré nuôi tôm, heo, bò sinh sản, trồng màu; phong trào "*Thanh niên thi đua lập thân, lập nghiệp, lao động sáng tạo góp phần phát triển kinh tế*", khuyến khích thanh niên vươn lên xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng cho gia đình và xã hội; tổ chức dạy nghề cho trên 100.000 thanh niên, giới thiệu việc làm cho 8.920 thanh niên; giải quyết việc làm cho 7.271 thanh niên; phong trào tiết kiệm, tích lũy, thành lập các tổ vạn vản đổi công, tổ hùn vốn có 39.192 thanh niên tham gia với số tiền trên 9,5 tỷ đồng, thông qua các nguồn vốn đã đầu tư 23,9 tỷ đồng cho 36.000 thanh niên sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo trong đoàn viên, thanh niên. Qua phong trào đã xuất hiện ngày càng nhiều những gương đoàn viên, thanh niên điển hình trong sản xuất, kinh doanh; tích cực hưởng ứng phong trào "*Năm xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*"; "*Bốn đồng hành cùng thanh niên lập thân, lập nghiệp*" do Trung ương Đoàn phát động; phối hợp tổ chức chương trình thấp sáng ước mơ của tuổi trẻ Trà Vinh; xây dựng quỹ, Câu lạc bộ "*Thấp sáng ước mơ*"... Qua các phong trào, đã bước đầu hình thành một lớp lao động trẻ, có kiến thức, có khả năng tiếp thu nhanh khoa

¹⁹³ Trong đó có 14.844 hội viên nông dân là nữ, 38.120 hội viên người Khmer và 7.563 hội viên là đảng viên.

¹⁹⁴ Đại hội lần thứ VII vào ngày 18 và 19/9/2002 và Đại hội lần thứ VIII vào ngày 01 và 02/10/2007.

học và công nghệ tiên tiến, từng bước đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

Công tác xây dựng Đoàn có sự chuyển biến tích cực, tổ chức Đoàn được củng cố, kiện toàn, công tác quản lý đoàn viên, nắm tình hình thanh niên được tăng cường; chất lượng sinh hoạt Đoàn được nâng lên, tỷ lệ đoàn cơ sở được xếp loại khá, xuất sắc tăng từ 82% năm 2002 lên 93,7% năm 2006, không có đoàn cơ sở yếu kém; công tác phát triển đoàn viên được quan tâm và có bước chuyển biến tích cực, trong nhiệm kỳ VII đã kết nạp 73.572 đoàn viên, nâng tổng số đoàn viên đến cuối năm 2006 là 57.558 (có 12.632 đoàn viên là nữ và 8.916 đoàn viên dân tộc). Chất lượng đoàn viên được nâng lên, tỷ lệ đoàn viên được xếp loại khá trở lên chiếm 89,6%, trong đó đoàn viên xuất sắc chiếm 57,3%. Số đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng ngày càng tăng. Trong nhiệm kỳ, đã giới thiệu cho các cấp ủy đảng 7.957 đoàn viên ưu tú và được xem xét kết nạp 5.542 đồng chí vào Đảng, đạt 69,64%¹⁹⁵.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001 - 2006 và Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2006 - 2011¹⁹⁶. Sau Đại hội, các cấp hội nghiêm túc tổ chức quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống, phẩm chất đạo đức của người phụ nữ Việt Nam, nâng cao nhận thức chính trị và ý thức chấp hành pháp luật, thu hút ngày càng đông đảo phụ nữ tham gia các hoạt động hội, như phong trào: “*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*”; Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” và 6 nhiệm vụ trọng tâm của Hội; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần hội viên”. Các cấp hội luôn quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên, vận động, hỗ trợ phụ nữ xóa đói giảm nghèo, góp vốn xoay vòng, tiết kiệm tín dụng, xây dựng dự án nhỏ; phát triển kinh tế đạt được nhiều kết quả, nhiều chị em quan tâm xây dựng gia đình “*No ăm,*

¹⁹⁵ *Lịch sử Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Trà Vinh (1931 - 2017)*; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Trà Vinh xuất bản năm 2022, trang 173 - 193.

¹⁹⁶ Đại hội lần thứ VII vào ngày 02 và 03/11/2001 và Đại hội lần thứ VIII vào ngày 18 và 19/10/2006.

bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc". Chị em phụ nữ khẳng định vai trò, vị thế của mình trong gia đình và xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội và thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy và quản lý nhà nước được nâng lên. Đội ngũ cán bộ nữ tham gia cấp ủy, tham gia quản lý Nhà nước phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương; phụ nữ trong đồng bào dân tộc Khmer tiếp tục được quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện phát triển về mọi mặt, ngày càng có nhiều đóng góp chung vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Hội Cựu chiến binh tỉnh tiến hành Đại hội lần thứ III, nhiệm kỳ 2002 - 2007 và Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2007 - 2012¹⁹⁷. Thực hiện Nghị quyết Đại hội và Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 14/02/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "*Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW "về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới"*, các cấp hội cụ thể thành chương trình hành động và được tuyên truyền, quán triệt sâu rộng tới các hội viên. Tổ chức Hội được củng cố, mở rộng, số hội viên được tập hợp vào tổ chức hội ngày càng đông; Hội luôn đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hội phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành triển khai tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động xã hội, các hoạt động nghĩa tình đồng đội với những nội dung thiết thực như: tham gia thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; làm nông cốt trong công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và vận động thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tham gia hòa giải và giải quyết các vụ tranh chấp nảy sinh tại cơ sở; tham gia phong trào xây dựng "*Mái ấm đồng đội*", "*Ngày vì đồng đội*", lập Quỹ "*Nghĩa tình đồng đội*". Qua các phong trào đã giúp cho hội viên phát triển sản xuất - kinh doanh có hiệu quả. Phong trào thi đua "*Cựu chiến binh gương mẫu*" tiếp tục được phát động gắn với phong trào thi đua yêu nước, đã có tác động đến tư tưởng Cựu chiến binh, khơi dậy niềm tự hào, tin tưởng, phấn khởi, cổ vũ, động viên cán

¹⁹⁷ Đại hội lần thứ III vào ngày 19 và 20/8/2002 và Đại hội lần thứ IV vào ngày 19 và 20/9/2007.

bộ, hội viên gương mẫu trong giáo dục gia đình, con cháu, gương mẫu trong lối sống, sinh hoạt, trong chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương, hoàn thành tốt nhiệm vụ của hội viên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Trong giai đoạn này, một số tổ chức quần chúng mới được thành lập, như: Hội Luật gia được thành lập năm 2001; Hội Hữu nghị Việt Nam - Trung Quốc được thành lập vào năm 2005, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh được thành lập vào năm 2007; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh được thành lập vào năm 2009...

Do có nhiều đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động thiết thực, phù hợp với tình hình ở địa phương, đơn vị, nên tỷ lệ thu hút đoàn viên, hội viên vào các tổ chức đoàn thể năm 2010 đều tăng hơn so với năm 2000. Đến cuối năm 2010, tỷ lệ quần chúng được tập hợp vào các đoàn thể chiếm 83% so với dân số trong độ tuổi¹⁹⁸.

Tuy nhiên, việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, nhất là tham gia vào lĩnh vực phát triển kinh tế còn hạn chế. Từng tổ chức hội chưa xác định rõ nội dung tham gia vào các hoạt động kinh tế, chưa tập trung chỉ đạo xây dựng tổng kết phát huy và nhân rộng các mô hình đoàn hội viên và tổ chức hội tham gia làm kinh tế. Chưa đề ra được các giải pháp cụ thể, đủ mạnh và đồng bộ để khắc phục tình trạng hành chính hóa trong hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Vai trò, vị thế, sức lôi cuốn và thuyết phục của tổ chức hội trong việc tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ và động viên quần chúng hội viên tham gia vào các cuộc vận động và phong trào thi đua lớn, tham gia phát triển kinh tế, giữ gìn an ninh trật tự xã hội... chưa được phát huy tốt.

Ngày 05/8/2005, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh tổ chức Đại hội thi đua yêu nước tỉnh lần thứ II. Tại Đại hội thi đua, các đồng chí lãnh đạo tỉnh đã trao cờ thi đua cho 32 đơn vị có thành tích xuất sắc năm 2004 và Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2001 - 2005.

¹⁹⁸ Tỉnh ủy Trà Vinh: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ IX (2010 - 2015)*, trang 27.

Ngày 19/8/2010, tỉnh tổ chức Đại hội thi đua yêu nước tỉnh Trà Vinh lần thứ III (giai đoạn 2005 - 2010). Tại Đại hội, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Trà Vinh vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương Độc lập hạng III; Chính phủ tặng Cờ thi đua cho 04 tập thể; Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho 42 tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh, rất vinh dự được đón tiếp nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đến thăm và cho ý kiến chỉ đạo trên nhiều lĩnh vực, giúp cho tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ và định hướng phát triển. Cụ thể: đồng chí Đỗ Mười, Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đồng chí Võ Văn Kiệt, Nguyên Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Minh Triết, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước; đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương; đồng chí Nguyễn Khoa Diễm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương; đồng chí Hồ Đức Việt, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương; đồng chí Trương Vĩnh Trọng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Trương Mỹ Hoa, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước; đồng chí Nguyễn Thị Doan, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước; đồng chí Tông Thị Phóng, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Dân vận Trung ương; đồng chí Phạm Thế Duyệt, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Huỳnh Đảm, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng chí Uông Chu Lưu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ...

Đặc biệt, đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX và khoá X) có hai lần về thăm và làm việc với tỉnh.

+ Lần thứ nhất vào ngày 11 và 12/3/2002, trong chuyến thăm và làm việc với tỉnh. Tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh, sau khi nghe báo cáo, Tổng Bí thư đã nhiệt liệt biểu dương những thành tích đạt được trong năm 2001 nói riêng và thành tựu tỉnh nhà đạt được trong những năm qua, nhất là đời sống Nhân dân từng bước được nâng lên và mong rằng các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể tiếp tục phát huy, lãnh đạo và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001 - 2005 đã đề ra.

+ Lần thứ hai vào ngày 12 và 13/9/2008, trong chuyến thăm và làm việc với tỉnh, Tổng Bí thư đã đến viếng và thắp hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền thờ Bác, thăm Đảng bộ và Nhân dân xã Đa Lộc (huyện Châu Thành), Đảng bộ và Nhân dân huyện Tiểu Cần; thăm và tặng quà Chùa Mỏ Neo (Châu Thành), Chùa Cây Hẹ (huyện Tiểu Cần), thăm và tặng quà quý Mẹ Việt Nam anh hùng; cùng vui trung thu với thiếu nhi các dân tộc trong tỉnh (đêm 13/9/2008).



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh.

Ảnh: Bá Thi

Tại buổi làm việc cán bộ chủ chốt của tỉnh, sau khi nghe tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII trong nửa nhiệm kỳ qua, Tổng Bí thư biểu dương tỉnh Trà Vinh đã có sự phát triển khá nhanh, với tốc độ tăng trưởng GDP tăng bình quân trên 13%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Tổng Bí thư lưu ý: Trà Vinh là một tỉnh nghèo, còn nhiều khó khăn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ cấu lao động chưa nhanh; kết cấu hạ tầng còn yếu kém; trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực chưa cao; đời sống Nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là vùng đồng đồng bào Khmer còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao, mức đầu tư phát triển trong dân còn hạn chế. Tổng Bí thư tin rằng Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh sẽ phát huy tốt truyền thống đấu tranh cách mạng, truyền thống đoàn kết, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong đồng bào Kinh, Khmer, Hoa, cùng tập trung nỗ lực xây dựng cuộc sống mới, tạo sự đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.



Giai đoạn 2001 - 2010, tình hình thế giới, khu vực có những diễn biến phức tạp và những khó khăn trong nước đã có những tác động bất lợi đối với tỉnh, nhưng sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII (nhiệm kỳ 2001 - 2005) và lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005 - 2010), Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Trà Vinh đã nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng và khá toàn diện.

Trong 10 năm, kinh tế tỉnh Trà Vinh có bước phát triển vượt bậc hơn so với 8 năm đầu tái lập tỉnh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ năm 2001 đến năm 2010 luôn ở mức cao, giai đoạn 2001 - 2005 tăng 11,64%; giai đoạn 2005 - 2010 tăng 10,9%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực¹⁹⁹; GDP bình quân đầu người năm 2010 tăng gấp 3,5 lần so

¹⁹⁹ Tỷ trọng giá trị nông - lâm nghiệp - thủy sản từ 64,92% năm 2001 giảm còn 47,29 % năm 2010; công nghiệp - xây dựng từ 10,46% năm 2001 tăng lên 22,99%, dịch vụ từ 24,62% tăng lên 29,72%.

năm 2000²⁰⁰. Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng thủy sản. Năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất nông - thủy sản ngày càng được nâng cao. Hình thành Khu công nghiệp Long Đức, thu hút các doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp, tổng giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 tăng gấp 5,8 lần năm 2002²⁰¹. Hạ tầng thương mại - dịch vụ có phát triển, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2010 đạt 8.468 tỷ đồng, gấp 4,56 lần so với năm 2001. Giá trị xuất khẩu tăng nhanh, năm 2010 đạt 140 triệu USD tăng gấp 5,1 lần so năm 2000. Hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, viễn thông... được đầu tư phát triển tạo điều kiện cho phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, phát thanh - truyền hình, thể dục, thể thao phát triển, báo, đài từng bước nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền, kịp thời thông tin, tuyên truyền phổ biến chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; cổ vũ phong trào thi đua lao động sản xuất. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo được quan tâm, không ngừng phát triển quy mô trường, lớp học, cơ sở vật chất, học sinh, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; chất lượng dạy và học nâng lên. Khoa học - công nghệ được chú trọng đầu tư, nghiên cứu, và chuyển giao và ứng dụng vào sản xuất, đời sống, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Mạng lưới y tế các cấp được tăng cường, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; các chương trình mục tiêu y tế, công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện có hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, chính sách đối với người có công và bảo trợ xã hội; chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt.

²⁰⁰ Năm 2001, khoảng 3,024 triệu đồng/người/năm, đến năm 2010 đạt 14,98 triệu đồng/người.

²⁰¹ Năm 2001, chỉ đạt 472,5 tỷ đồng nhưng đến cuối năm 2010 tổng giá trị sản xuất đạt trên 2.755,8 tỷ đồng.

Chú trọng xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân; công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên được triển khai tích cực cùng với việc nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương. Công tác an ninh và trật tự an toàn xã hội được quan tâm chỉ đạo, đề cao cảnh giác và chủ động đấu tranh với âm mưu “*diễn biến hoà bình*” của các thế lực thù địch và những biểu hiện lợi dụng hoạt động tôn giáo để chống phá chính quyền; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng công an cơ sở được củng cố, tăng cường. Công tác phòng ngừa và chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm được nhiều lực lượng phối hợp tham gia, góp phần quan trọng vào việc giữ vững trật tự an ninh quốc gia, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương VI lần 2 tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung vào việc củng cố hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo bằng quy chế, chương trình, kế hoạch tạo cơ sở cho việc giám sát, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên thực hiện Nghị quyết có trọng tâm, trọng điểm và thường xuyên. Việc triển khai, thực hiện Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” được tổ chức nghiêm túc, sôi nổi, đã tạo được sự chuyển biến mới về nhận thức, trách nhiệm trong công tác và trong sinh hoạt, rèn luyện lối sống, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đảm bảo các nguyên tắc trong công tác cán bộ, đội ngũ cán bộ có bước phát triển cả về số lượng, nâng cao chất lượng; công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng được tăng cường, góp phần uốn nắn, cảnh báo, ngăn ngừa, hạn chế, khuyết điểm; công tác vận động quần chúng được cả hệ thống chính trị thực hiện, xây dựng được mối quan hệ gắn bó giữa cấp ủy đảng, chính quyền với Nhân dân.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân tiếp tục đổi mới đã phát huy dân chủ, tập trung trí tuệ để xem xét, quyết định những chủ trương, giải

pháp quan trọng của địa phương. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được nâng lên về chất lượng, đúng pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nguyện vọng của cử tri; thực hiện tốt chức năng giám sát; hoạt động chất vấn được tăng cường, đổi mới.

Hệ thống chính quyền các cấp có nhiều cố gắng nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý điều hành, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm và then chốt. Công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính đã tạo được sự chuyển biến về ý thức, trách nhiệm giải quyết công việc của cán bộ, công chức; đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Nhân dân và doanh nghiệp. Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm được tập trung chỉ đạo, gắn với cải cách tư pháp và cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp. Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo; tỷ lệ và chất lượng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ở các cấp được nâng lên. Mặt trận và các đoàn thể phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động Nhân dân nắm và chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện nhiệm vụ vẫn còn những hạn chế, yếu kém: Giai đoạn này Trà Vinh vẫn còn trong tình trạng kém phát triển so với các tỉnh trong khu vực. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư còn chậm; sản xuất nông nghiệp phát triển thiếu bền vững; thủy sản phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; công nghiệp phát triển chậm, phân tán; ngân sách thu chưa đáp ứng yêu cầu chi; kết cấu hạ tầng vẫn còn yếu kém; thu nhập và đời sống của một bộ phận dân cư còn thấp, nhất là ở vùng nông thôn, vùng có đồng đồng bào Khmer; trật tự xã hội từng lúc, từng nơi diễn biến phức tạp; chất lượng nguồn nhân lực thấp; chưa có sự chuyển biến mạnh trong cải cách hành chính; một số ngành, địa phương chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo, năng động, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, thiếu phối hợp xử lý công việc một cách đồng bộ, chưa sâu sát với nhiệm vụ,

chương trình công tác đề ra; trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu.

Những thành tựu trong giai đoạn 2001 - 2010 khẳng định Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương; sử dụng có hiệu quả nguồn hỗ trợ từ Trung ương, tiềm năng thế mạnh về tài nguyên, con người của tỉnh, đặc biệt là đã phát huy được truyền thống "*Toàn dân nổi dậy đoàn kết lập công*" và ý chí tự lực tự cường, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, góp phần vào thành tựu chung của đất nước, tạo tiền đề cho những bước phát triển tiếp theo.